
Lời mở đầu

Trước sự biến động của nền kinh tế thế giới, sự linh hoạt của nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh không chỉ đơn thuần là cạnh tranh về chất lượng của sản phẩm mà còn là cạnh tranh về giá cả của sản phẩm. Do vậy, vấn đề tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhưng chất lượng của sản phẩm ngày càng cao hơn trước được coi là mục tiêu mục tiêu hàng đầu đối với mỗi doanh nghiệp. Vấn đề này tuy không còn mới mẻ nhưng nó luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của mọi doanh nghiệp. Vậy các doanh nghiệp cần có giải pháp gì trong quá trình sản và trong công tác quản lý của mình để có thể đạt được mục tiêu tiết kiệm chi phí, hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng và có sức hấp dẫn trên thị trường.

Nếu xét riêng với các doanh nghiệp xây lắp thì thông thường chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng giá trị công trình, vì thế công tác quản lý nguyên vật liệu có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Thông qua công tác quản lý nguyên vật liệu có thể làm tăng hoặc giảm giá thành công trình. Từ đó buộc các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc tiết kiệm triệt để chi phí nguyên vật liệu, làm sao cho với một lượng chi phí nguyên vật liệu như cũ sẽ làm ra nhiều sản phẩm xây lắp hơn, tức là làm cho giá thành giảm đi mà vẫn đảm bảo chất lượng. Bởi vậy làm tốt công tác kế toán nguyên vật liệu là nhân tố quyết định hạ thấp chi phí, giảm giá thành, tăng thu nhập cho doanh nghiệp. Đây là yêu cầu thiết thực, một vấn đề đang được quan tâm nhiều trong quá trình thi công xây lắp của các doanh nghiệp xây lắp hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong việc quản lý của doanh nghiệp, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Phú Hưng em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu đề tài “ **Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng**” làm chuyên đề tốt nghiệp của mình. Trong quá trình nghiên cứu em đã kết hợp giữa lý luận với thực tiễn để hoàn thành đề tài này.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của chuyên đề được chia làm ba phần như sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp xây lắp.

Chương II: Tình hình thực hiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.

Chương III: Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.

Nhờ có sự quan tâm giúp đỡ của tiến sĩ Lưu Đức Tuyên cùng với cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH Phú Hưng, kết hợp với kiến thức học hỏi ở trường và sự nỗ lực của bản thân em đã hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp của mình. Nhưng do thời gian có hạn và trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế nên chuyên đề của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự tham gia góp ý của các thầy cô cũng như các cán bộ phòng kế toán công ty TNHH Phú Hưng để bài khóa luận của em được tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp.****1.1.1 Khái niệm, vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp.****1.1.1.1 Khái niệm**

Nguyên liệu, vật liệu là những đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa chi tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dưới tác động của lao động, vật liệu bị tiêu hao toàn bộ và bị thay đổi hình thái ban đầu.

Nguyên vật liệu tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau, có thể ở thể rắn (sắt, thép, gạch...), ở thể lỏng (sơn, xăng, dầu...), ở dạng bột (cát, vôi...) tùy theo từng loại hình sản xuất.

1.1.1.2 Vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp.

- Nguyên vật liệu là bộ phận trọng yếu của tư liệu sản xuất, là những tư liệu lao động mà qua sự tác động của con người thì tư liệu lao động sẽ biến thành sản phẩm hoặc tạo nên thực thể của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho sản xuất sản phẩm được thuận lợi.

- Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí về vật liệu thường chiếm tỉ trọng lớn từ 65% - 70% trong tổng giá trị công trình. Do vậy, việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời hay không có ảnh hưởng to lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất (tiến độ thi công xây lắp) của doanh nghiệp. Nếu thiếu nguyên vật liệu thì các hoạt động sản xuất vật chất nói chung và quá trình thi công xây lắp nói riêng sẽ bị gián đoạn. Chất lượng các công trình phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng của nguyên vật liệu, mà chất lượng công trình là một điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp có uy tín và tồn tại trên thị trường. Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cung cấp vật liệu cần phải đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý, tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Mặt khác đây còn là có sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Có thể

nói rằng nguyên vật liệu có vị trí quan trọng không thể thiếu được trong quá trình thi công, xây lắp.

1.1.2 Đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp

- Xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất mang tính chất công nghiệp, sản phẩm của ngành xây dựng là những công trình, hạng mục công trình có quy mô lớn, kết cấu phức tạp và thường cố định ở nơi sản xuất (thi công) còn các điều kiện khác phải di chuyển theo địa điểm xây dựng. Từ đặc điểm riêng của ngành xây dựng làm cho công tác quản lý, sử dụng vật liệu phức tạp, vì chịu ảnh hưởng lớn của môi trường bên ngoài nên cần xây dựng định mức cho phù hợp với điều kiện thi công thực tế.

- Công tác quản lý nguyên vật liệu là nhiệm vụ của mọi người nhằm tăng hiệu quả kinh tế cao mà hao phí là thấp nhất. Công tác hạch toán nguyên vật liệu ảnh hưởng và quyết định đến việc hạch toán giá thành, cho nên để đảm bảo tính chính xác của việc hạch toán giá thành thì trước hết cũng phải hạch toán nguyên vật liệu chính xác.

- Để làm tốt công tác hạch toán vật liệu trên đòi hỏi chúng ta phải quản lý chặt chẽ ở mọi khâu từ khâu thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ, sử dụng.

- Định kỳ phải tiến hành phân tích tình hình sử dụng vật liệu cũng như là những khoản chi phí vật liệu trong quá trình sản xuất sản phẩm nhằm tìm ra nguyên nhân dẫn đến tăng hoặc giảm chi phí vật liệu cho một đơn vị sản phẩm, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến, sử dụng tiết kiệm vật liệu, tận dụng phế liệu...

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Kế toán là một công cụ phục vụ quản lý kinh tế, vì thế để đáp ứng một cách khoa học, hợp lý xuất phát từ đặc điểm của vật liệu, từ yêu cầu quản lý vật liệu, từ chức năng của kế toán vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất, kế toán cần thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Tính giá thành thực tế nguyên vật liệu đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua vật tư

về cả mặt số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ, đúng chủng loại cho quá trình thi công xây lắp.

- Áp dụng đúng đắn về các phương pháp kỹ thuật hạch toán vật liệu, hướng dẫn, kiểm tra các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp. Thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về vật liệu (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ), mở chế độ đúng phương pháp, đúng quyết định nhằm đảm bảo tình thống nhất trong công tác kế toán, tạo điều kiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật tư, phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý vật tư thừa, thiếu, ứ đọng, hoặc mất phẩm chất. Tính toán, xây dựng số lượng và giá trị vật tư thực tế đưa vào sử dụng, tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.4 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại nguyên vật liệu là căn cứ vào tiêu thức nào đó tùy theo yêu cầu quản lý để sắp xếp từng thứ, từng loại vật liệu vào cùng một tiêu thức.

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải sử dụng nhiều thứ nguyên vật liệu khác nhau và mỗi loại có tính năng lý hóa riêng. Để quản lý có hiệu quả đòi hỏi phải nhận biết từng thứ, từng loại vật liệu được chặt chẽ hơn, chính xác hơn. Để phân loại nguyên vật liệu hiện nay người ta sử dụng một số tiêu thức cụ thể sau:

1.1.4.1.1 Phân loại nguyên vật liệu theo vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất

- Nguyên vật liệu chính (bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài): là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm mới như sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí, xây dựng cơ bản; bông trong các nhà máy sợi; vải trong các nhà máy may...Đối với nửa thành phẩm mua ngoài, với mục đích tiếp tục trong quá trình sản xuất ra sản phẩm, hàng hóa như sợi mua ngoài trong các doanh nghiệp dệt cũng được coi là nguyên vật liệu chính.

- Vật liệu phụ: là những vật liệu phụ chỉ có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, làm tăng chất lượng nguyên vật liệu chính và sản phẩm phục vụ cho công tác quản lý, phục vụ sản xuất cho nhu cầu công nghệ, cho việc bảo quản, bao gói sản phẩm như các loại thuốc nhuộm, dầu nhờn, xà phòng,...
- Nhiên liệu: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, lỏng, khí như than, xăng, dầu, hơi đốt dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, các phương tiện máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất.
- Phụ tùng thay thế: là những chi tiết, phụ tùng dự trữ để thay thế những bộ phận máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải bị hư hỏng.
- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ...) mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.
- Phế liệu: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản có thể sử dụng hay bán ra ngoài (phoi bào, vải vụn, sắt, gạch...).
- Vật liệu khác: bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ liên kết trên như bao bì, vật đóng gói, các loại vật tư đặc chủng...

Trên thực tế việc phân chia, sắp xếp vật liệu theo từng loại nói trên là căn cứ vào vị trí, vai trò của vật liệu trong quá trình sản xuất ở từng đơn vị cụ thể. Việc phân loại như vậy chỉ có ý nghĩa tương đối, bởi vì có loại vật liệu ở doanh nghiệp này là vật liệu chính nhưng ở doanh nghiệp khác lại là vật liệu phụ. Thậm chí ngay trong một doanh nghiệp, có loại vật liệu lúc được sử dụng như vật liệu chính nhưng lại có lúc được sử dụng như vật liệu phụ.

1.1.4.1.2 Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn hình thành.

- Vật Liệu mua ngoài: là những vật liệu sử dụng trong kinh doanh được doanh nghiệp mua ngoài ở thị trường.
- Vật liệu sản xuất: là vật liệu do doanh nghiệp tự chế biến hoặc thuê ngoài chế biến.
- Vật liệu từ những nguồn khác: nhận góp vốn liên doanh, biếu tặng, tài trợ, cấp phát..

Việc phân loại này tạo tiền đề cho việc quản lý, sử dụng riêng các loại vật liệu từ nhiều nguồn khác nhau trên cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.4.1.3 Phân loại nguyên vật liệu theo quan hệ sở hữu

- Vật liệu tự có: bao gồm những vật liệu thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.
- Vật liệu nhận gia công, chế biến cho bên ngoài
- Vật liệu nhận giữ hộ.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp có thể theo dõi nắm bắt được tình hình hiện có của nguyên vật liệu để từ đó lên kế hoạch thu mua, dự trữ nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc phân chia từng loại vật liệu như trên giúp kế toán tổ chức các tài khoản, tiểu khoản để phản ánh tình hình hiện có và sự biến động của các loại vật liệu. Để hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành thường xuyên, liên tục, tạo điều kiện cho việc quản lý nguyên vật liệu được chặt chẽ, việc phân loại còn phải chi tiết, tỷ mỉ hơn nữa theo yêu cầu riêng, theo tính năng lý hóa, quy cách, phẩm chất vật liệu. Trên cơ sở kết quả của việc phân loại vật liệu, doanh nghiệp tiến hành xây dựng sổ danh điểm vật liệu. Xây dựng sổ danh điểm vật liệu là việc xác định, gán cho mỗi loại vật liệu một ký hiệu riêng theo nguyên tắc nhất định từ đó doanh nghiệp lập sổ danh điểm vật liệu.

1.1.4.2 Đánh giá nguyên vật liệu

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Nội dung giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo từng nguồn nhập:

- Giá gốc của nguyên vật liệu mua ngoài bao gồm: giá mua ghi trên hóa đơn, thuế nhập khẩu phải nộp (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm... nguyên vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong quy định (nếu có)
- Giá gốc của nguyên vật liệu tự chế biến bao gồm: giá thực tế của nguyên vật liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.

- Giá gốc của nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến bao gồm giá thực tế của nguyên vật liệu xuất thuê ngoài gia công, chế biến, chi phí vận chuyển đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về đơn vị, tiền thuê ngoài gia công, chế biến.

- Giá gốc của nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần là giá trị được các bên tham gia góp vốn thông nhất đánh giá chấp thuận.

1.1.4.2.1 Đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế

*** Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho**

Tùy theo từng nguồn nhập mà giá thực tế nguyên vật liệu được xác định khác nhau:

- *Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:*

+ Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

	Giá mua		Thuế		Các chi		Các khoản
Giá trị vật	thực tế		nhập		phí thu		giảm giá,
liệu thực tế	= (không	+	khấu	+	mua (nếu	-	giá trị hàng
nhập kho	có VAT		(nếu có)		có)		mua trả lại
	đầu vào)						(nếu có)

+ Nếu doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT:

	Giá mua		Thuế		Các chi		Các khoản
Giá trị vật	thực tế		nhập		phí thu		giảm giá,
liệu thực tế	= (gồm cả	+	khấu	+	mua (nếu	-	giá trị hàng
nhập kho	VAT		(nếu có)		có)		mua trả lại
	đầu vào)						(nếu có)

Trong đó chi phí thu mua thực tế bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, bảo hiểm, chi phí thuê kho bãi, tiền phạt, tiền bồi thường...

- *Đối với nguyên vật liệu tự sản xuất:* tính theo giá thành sản xuất thực tế

Trị giá vật liệu thực tế	=	Giá thực tế vật liệu xuất	+	Các chi phí gia
nhập kho		gia công, chế biến		công, chế biến

- *Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:*

+ Nếu doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị vật} & & \text{Giá thực tế vật liệu} & & \text{Chi phí vận} & & \text{Tiền thuế giá} \\ \text{liệu thực tế} & = & \text{xuất thuế ngoài gia} & + & \text{chuyên, bốc} & + & \text{công (chưa} \\ \text{nhập kho} & & \text{công, chế biến} & & \text{dỡ} & & \text{có VAT)} \end{array}$$

+ Nếu doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị vật} & & \text{Giá thực tế vật liệu} & & \text{Chi phí vận} & & \text{Tiền thuế giá} \\ \text{liệu thực tế} & = & \text{xuất thuế ngoài gia} & + & \text{chuyên, bốc} & + & \text{công (gồm cả} \\ \text{nhập kho} & & \text{công, chế biến} & & \text{dỡ} & & \text{VAT)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh: giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là giá thỏa thuận do hội đồng liên doanh đánh giá và công nhận

- Đối với vật liệu được tặng, thưởng, viện trợ: giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được tính theo giá thị trường tương đương cộng chi phí liên quan đến việc chấp thuận do hội đồng giao nhận xác định.

- Đối với phế liệu thu hồi: giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho là giá ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu.

*** Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho**

Nguyên vật liệu được nhập thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau, cho nên giá thực tế của từng lần nhập kho là không giống nhau. Do đó, khi xuất kho, kế toán phải tính toán chính xác giá thực tế xuất kho của nguyên vật liệu cho các nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau theo phương pháp tính giá thực tế đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán. Để tính giá thực tế vật liệu xuất kho có thể áp dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp giá đơn vị bình quân

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế vật liệu} & & \text{Số lượng vật liệu} & & \text{Giá đơn vị} \\ \text{xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó, giá đơn vị bình quân được tính 1 trong 2 cách sau:

+ Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá đơn vị bình} & & \text{Giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ} \\ \text{quân cả kỳ dự trữ} & = & \frac{\text{Số lượng thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}} \end{array}$$

Ưu điểm: phương pháp này đơn giản, dễ làm

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, việc tính toán dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

+ Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: phương pháp này khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác vừa cập nhật.

Nhược điểm: tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần

- *Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi đến số nhập sau, nhập theo giá nào thì xuất theo đúng giá đó. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của vật liệu mua trước sẽ dùng làm giá để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất trước và do vậy giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số nguyên vật liệu mua vào sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- *Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)*

Phương pháp này giả định những vật liệu mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước – xuất trước nói trên. Như vậy, giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ lại là giá thực tế của nguyên vật liệu tính theo đơn giá của các lần nhập đầu kỳ. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát, sẽ đảm bảo được nguyên tắc thận trọng.

- *Phương pháp trực tiếp (Đích danh)*

Theo phương pháp này, vật liệu được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất vật liệu nào sẽ xuất theo giá thực tế của vật liệu đó. Do vậy, phương pháp này còn có tên gọi là phương pháp đặc điểm riêng hay phương pháp giá thực tế đích danh và thường sử dụng với các loại vật liệu có giá trị cao và có tính tách biệt.

1.1.4.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán.

- Giá hạch toán nguyên vật liệu là giá quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng trong thời gian dài. Sử dụng giá hạch toán đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư lớn, các nghiệp vụ nhập xuất kho nguyên vật liệu nhiều, thường xuyên, giá mua thực tế biến động lớn và thông tin về giá không kịp thời. Sử dụng giá hạch toán trong kế toán chi tiết vật liệu sẽ làm giảm khối lượng công việc hàng ngày của kế toán, tạo điều kiện cho việc tăng cường chức năng kiểm tra của kế toán nhằm sử dụng hiệu quả, hợp lý nguyên vật liệu.

- Giá hạch toán nguyên vật liệu có thể là giá mua nguyên vật liệu tại thời điểm nào đó hoặc xác định theo giá kế hoạch của nguyên vật liệu đã được xây dựng. Như vậy, hàng ngày kế toán sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị nguyên vật liệu nhập- xuất. Cuối kỳ phải tính chuyển giá hạch toán của nguyên vật liệu xuất - tồn thành giá thực tế để có số liệu ghi vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp và báo cáo kế toán theo đúng giá trị thực tế của nguyên vật liệu.

- Việc tính chuyển giá hạch toán thành giá thực tế được thể hiện trên bảng tính giá thực tế và được tiến hành như sau:

+ Tổng hợp giá hạch toán và giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ.

+ Tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa} \\ \text{giá thực tế và giá hạch} \\ \text{toán nguyên vật liệu} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của vật} \\ \text{liệu tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của vật liệu nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của vật} \\ \text{liệu tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của vật liệu} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

+ Tổng hợp giá trị hạch toán của nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ sử dụng cho từng bộ phận đơn vị trong doanh nghiệp theo từng loại. Tính giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ sử dụng cho từng bộ phận trong doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của nguyên} \\ \text{vật liệu xuất dùng (Hoặc} \\ \text{tồn kho cuối kỳ)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu} \\ \text{xuất dùng (hoặc tồn} \\ \text{kho cuối kỳ)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa} \\ \text{giá thực tế và giá hạch} \\ \text{toán nguyên vật liệu} \end{array}$$

Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán nguyên vật liệu có thể tính cho từng loại, từng nhóm nguyên vật liệu, chủ yếu tùy thuộc vào yêu cầu, trình độ

quản lý. Cuối kỳ điều chỉnh số hạch toán và số thực tế. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, phản ánh được tình hình biến động tăng, giảm nguyên vật liệu trong kỳ. Tuy nhiên độ chính xác chưa cao vì con mang tính bình quân.

Tóm lại, mỗi phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập – xuất kho nêu trên có nội dung, ưu, nhược điểm riêng và những điều kiện áp dụng phù hợp nhất định. Doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm hoạt động sản xuất, khả năng, trình độ của cán bộ kế toán cũng như yêu cầu quản lý để đăng ký phương pháp tính, đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

1.2 Nội dung công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu doanh nghiệp.

1.2.1 Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính các chứng từ về kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho_ Mẫu số 01 - VT
- Phiếu xuất kho_ Mẫu số 02 – VT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa _Mẫu số 03 – VT
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ_ Mẫu số 04 – VT
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa_ Mẫu số 05 – VT
- Bảng kê mua hàng_ Mẫu số 06 – VT
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ_ Mẫu số 03P XK – 3LL
- Hóa đơn bán hàng (GTGT)_ Mẫu số 01GTGT – 3LL
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa_ Mẫu số S10 –DNN
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa_ Mẫu số S11 – DNN
- Thẻ (sổ) kho _ Mẫu số S12 – DNN

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc luân chuyển chứng từ cần có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo việc ghi chép kế toán kịp thời, đầy đủ.

1.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp gồm 3 phương pháp: phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển và phương pháp sổ sổ dư. Nội dung, cách thức, trình tự kế toán chi tiết bao gồm những công việc ghi chép của thủ kho tại kho của kế toán tại phòng kế toán. Tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể mà doanh nghiệp lựa chọn áp dụng phương pháp khác nhau.

1.2.2.1 Phương pháp thẻ song song

Theo phương pháp này, việc ghi chép diễn ra song song cả ở kho và phòng kế toán.

- Ở kho: thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra

số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu.

- Ở phòng kế toán: mở “thẻ kế toán chi tiết vật liệu” cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương đương thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật liệu phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ và tính ra số tiền. Sau đó, lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất vào thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng thẻ và đối chiếu với thẻ kho.

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ kế toán chi tiết để lập “Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu” về mặt giá trị của từng loại vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phòng kế toán tổng hợp. Ngoài ra, để quản lý chặt chẽ thẻ kho, nhân viên kế toán vật liệu còn mở sổ đăng ký thẻ kho, khi giao thẻ kho cho thủ kho kế toán phải ghi vào sổ.

- Ưu điểm:

+ Đơn giản, dễ ghi chép

+ Dễ kiểm tra, đối chiếu số liệu của thẻ kho và của kế toán chi tiết nguyên vật liệu

+ Có thể hạch toán theo giá hạch toán hoặc theo giá thực tế

- Nhược điểm:

+ Ghi trùng lặp giữa kế toán và thủ kho.

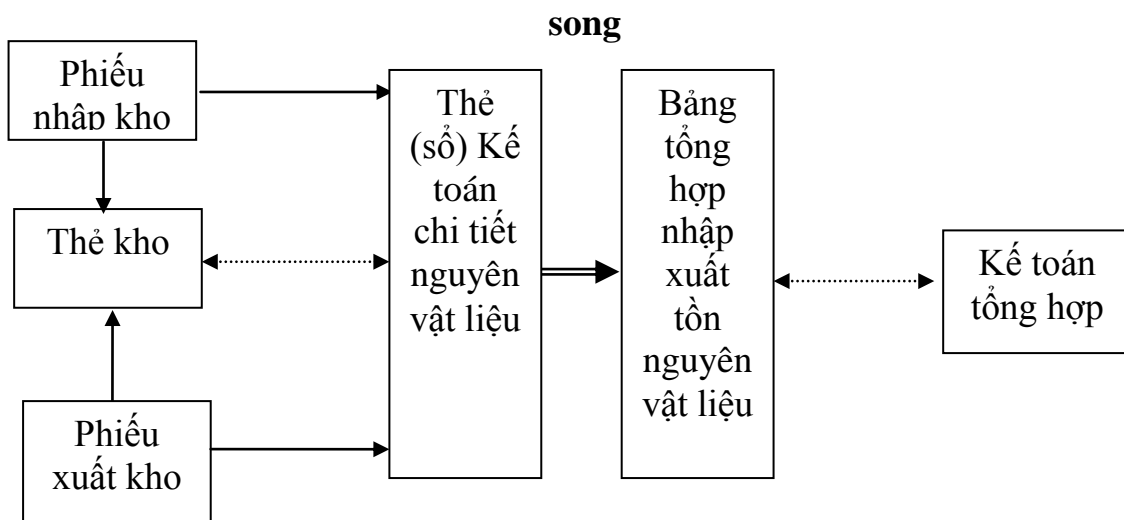
+ Khối lượng ghi chép lớn.

+ Việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng. Do vậy, hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này rất phù hợp với những doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít, hoạt động nhập xuất vật tư không thường xuyên và có trình độ nghiệp vụ kế toán còn hạn chế.

Công việc kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song được tóm tắt theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: = = = = =>

Quan hệ đối chiếu: <----->

1.2.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Ở kho: theo phương pháp này thì việc ghi chép của thủ kho, thẻ kho, giao nhận chứng từ gốc giống như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ (danh điểm) vật liệu theo từng kho về số lượng và số tiền. Sổ này được theo dõi cả năm, mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

Cuối tháng, đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

- Ưu điểm:

+ Giảm nhẹ được khối lượng ghi chép so với phương pháp thẻ song song do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm:

+ Chỉ sử dụng được giá hạch toán để ghi sổ.

+ Công việc kế toán dồn vào cuối kỳ làm cho việc lập báo cáo chậm nên hạn chế trong quản lý.

+ Thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn kho hàng ngày không có.

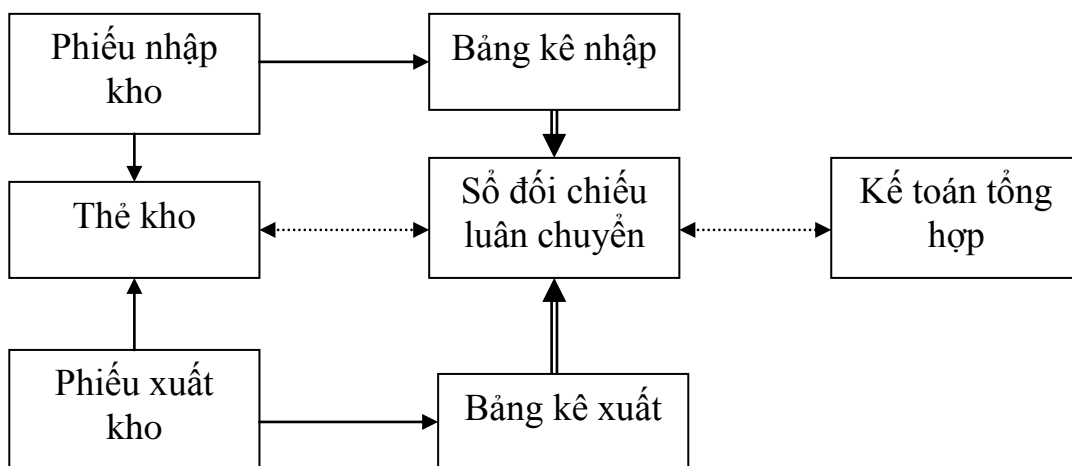
+ Việc ghi chép vẫn bị trùng lặp

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít, có ít nghiệp vụ nhập, xuất kho, không bố trí được riêng nhân viên kế toán nguyên vật liệu do vậy không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

Công việc kế toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được tóm tắt theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối

chiếu luân chuyển:



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
Ghi cuối tháng: = = = = = →
Quan hệ đối chiếu: <----->

1.2.2.3 Phương pháp sổ số dư

Theo phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép của kế toán, trên cơ sở kết hợp đó ở kho chỉ hạch toán về mặt lượng còn ở phòng kế toán về mặt giá trị, xóa bỏ việc ghi chép song song, trùng lặp.

- Tại kho: giống các phương án trên, định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh từng thứ nguyên vật liệu quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu. Ngoài ra, thủ kho ghi số lượng nguyên vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm nguyên vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- Tại phòng kế toán: định kỳ nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá chứng từ tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm nguyên vật liệu (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi trên cơ sở phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm nguyên vật liệu. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư.

- Ưu điểm:

- + Việc ghi chép giữa kho và sổ kế toán không bị trùng lặp.
- + Giảm nhẹ rất nhiều khối lượng ghi chép của kế toán chi tiết nguyên vật liệu.
- + Công việc được tiến hành đều trong tháng tạo điều kiện cung cấp thông tin kịp thời cho quản lý doanh nghiệp.

- Nhược điểm:

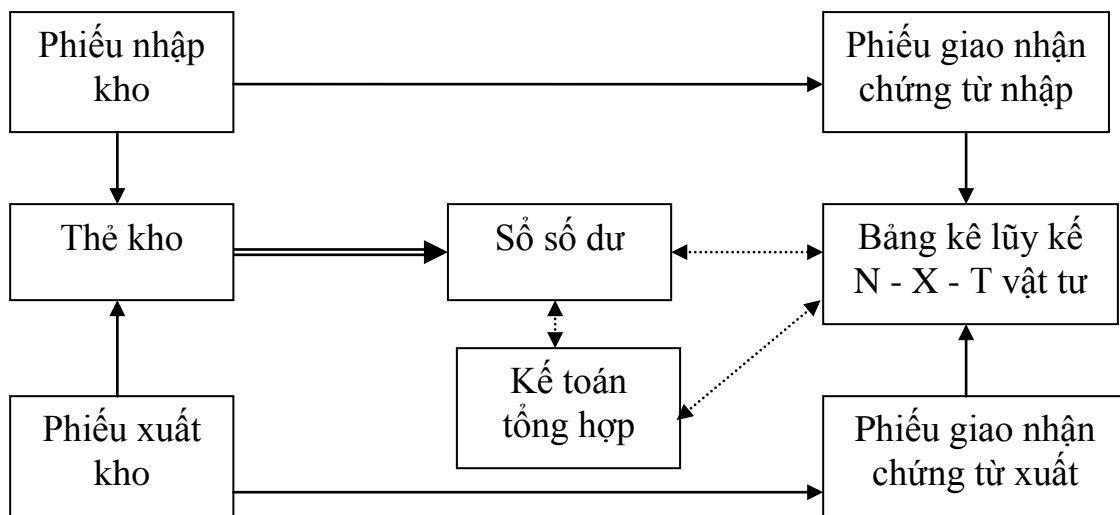
- + Việc ghi chép phức tạp, đòi hỏi cả thủ kho và kế toán vật liệu phải có trình độ.

+ Khi có sự cố không ăn khớp giữa số liệu của thủ kho và kế toán thì rất khó phát hiện và mất nhiều thời gian.

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này áp dụng đối với những doanh nghiệp có chủng loại vật tư khá lớn, việc nhập, xuất kho nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên, hàng ngày, cán bộ kế toán có trình độ vững vàng, thủ kho có tinh thần trách nhiệm cao. Có như vậy mới đảm bảo tránh được sự nhầm lẫn, sai sót.

Công việc hạch toán theo phương pháp sổ số dư được tóm tắt theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng: = = = = = →
 Quan hệ đối chiếu: < - - - - - >

Mỗi phương pháp hạch toán phải được tiến hành trong những điều kiện nhất định mới có thể phát huy được các ưu điểm và hạn chế nhược điểm. Chính vì vậy, khi hạch toán nguyên vật liệu, các doanh nghiệp cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong quản lý nguyên vật liệu.

1.2.2.3 Các loại sổ dùng cho các phương pháp kế toán chi tiết

Thẻ kế toán chi tiết và bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu dùng trong phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song, sổ đối chiếu luân chuyển và sổ số dư. Đối với doanh nghiệp kế toán theo phương

pháp sổ sổ dư thì ta có mẫu sổ sổ dư. Ngoài ra ta còn sử dụng các phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) nguyên vật liệu.

1.2.3 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.2.3.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.3.1.1 Đặc điểm kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta hiện nay vì những ưu điểm của nó. Tuy nhiên với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức. Dầu vậy, phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời nhất.

Như vậy, việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất dùng được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho sau khi đã được tập hợp, phân loại theo các đối tượng sử dụng để ghi vào các tài khoản và các sổ kế toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho được áp dụng phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại, kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, ô tô...

1.2.3.1.2 Tài khoản sử dụng

Để kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- Tài khoản 152 “ Nguyên vật liệu”

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình biến động tăng, giảm, tồn kho các loại nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo giá thực tế. Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ vật tư tùy theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

- Tài khoản 151 “ Hàng mua đang đi đường”

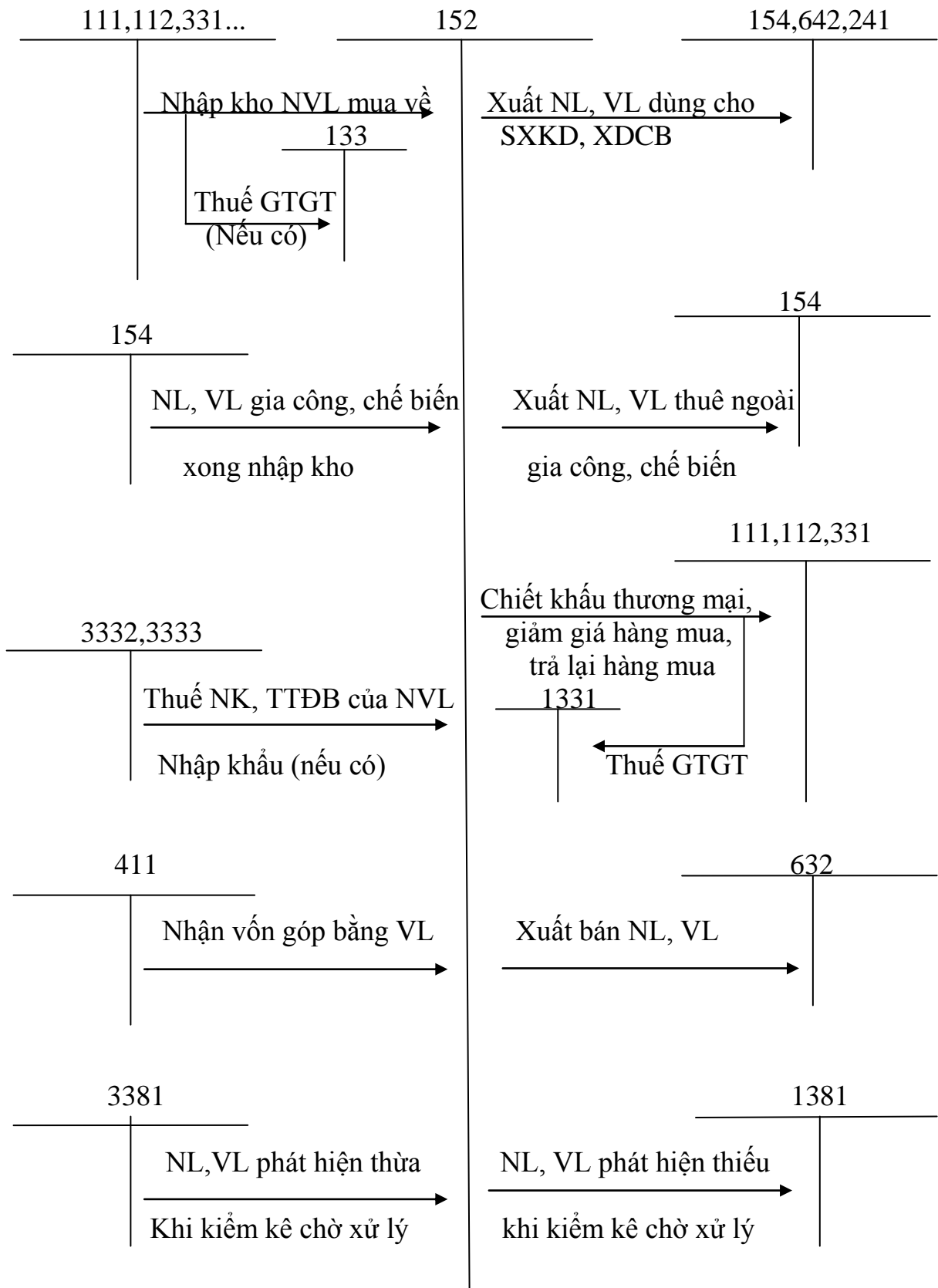
Tài khoản này dùng để theo dõi các loại nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số đã gửi cho người bán)

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như:

- Tài khoản 133 “ Thuế GTGT được khấu trừ”
- Tài khoản 331 “ Phải trả người bán”
- Tài khoản 111 “ Tiền mặt”
- Tài khoản 112 “ Tiền gửi ngân hàng”
- Tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”
- Tài khoản 141 “ tạm ứng”
- Tài khoản 222 “ Góp vốn liên doanh”
- Tài khoản 411 “ Nguồn vốn kinh doanh”

1.2.3.1.3 Sơ đồ tóm tắt quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3.2.1 Đặc điểm kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất nguyên vật liệu trên các tài khoản mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ vào số lượng kiểm kê hàng tồn kho. Việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trên tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà lại căn cứ vào giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ. Bởi vậy, trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị nguyên vật liệu xuất dùng (xuất bán) cho từng đối tượng, nhu cầu khác nhau: sản xuất hay phục vụ quản lý, bán ra ngoài...

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ, chỉ tiến hành một loại hoạt động, hoặc ở các doanh nghiệp thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị thấp, mặt hàng nhiều. Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép và nó chỉ thích hợp với những doanh nghiệp kinh doanh những chủng loại hàng hóa, vật tư khác nhau, giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

1.2.3.2.2 Tài khoản sử dụng

Để kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán áp dụng các tài khoản:

- Tài khoản 611 “Mua hàng”

Dùng để theo dõi số vật liệu, chưa dùng đầu kỳ, chưa dùng cuối kỳ và tăng thêm trong kỳ theo giá thực tế từ đó xác định giá trị vật liệu dụng cụ xuất dùng trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{xuất dùng trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu tăng} \\ \text{thêm trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{tồn kho cuối kỳ} \end{array}$$

Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư và được ghi chi tiết thành hai tài khoản khác nhau:

- + Tài khoản 6111 “mua nguyên vật liệu”

+ Tài khoản 6112 “ mua hàng hóa”

- Tài khoản 152 “ Nguyên vật liệu”

Dùng để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho, được mở chi tiết cho từng loại.

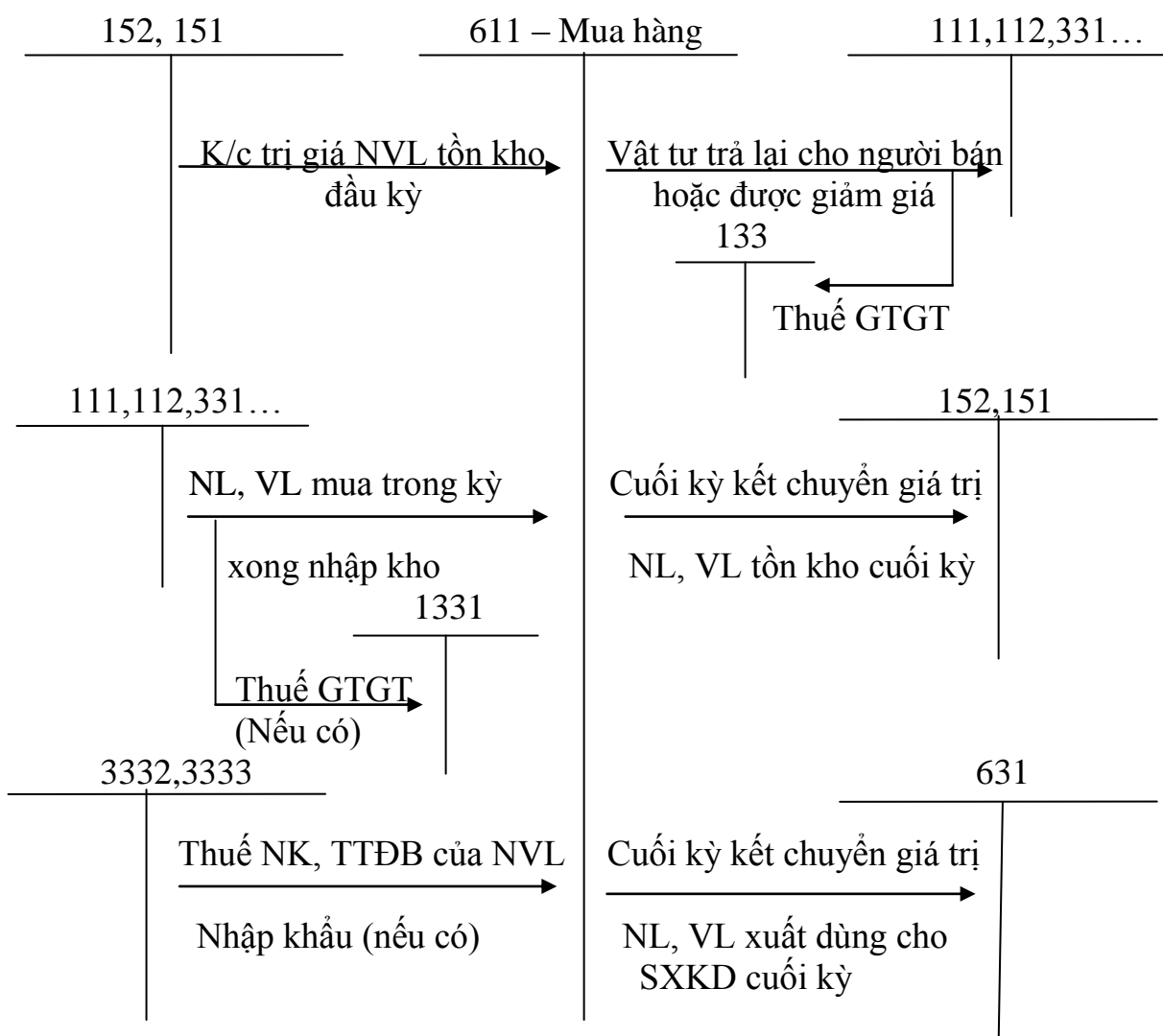
- Tài khoản 151 “ Hàng mua đang đi đường”

Dùng để phản ánh giá trị hàng mua (đã thuộc sở hữu của đơn vị) nhưng đang đi đường hay gửi tại kho người bán, chi tiết theo từng loại, từng người bán.

Ngoài ra, kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng một số tài khoản liên quan: 111, 112, 141, 331, 133 ...

1.2.3.2.3 Sơ đồ tóm tắt quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp sản xuất



1.2.4 Kế toán kiểm kê đánh giá lại hàng tồn kho

*** Khái niệm và nguyên tắc kế toán.**

- Kiểm kê đánh giá lại hàng tồn kho là việc cân, đo, đong, đếm... hàng tồn kho để xác định lại số lượng, chất lượng, giá trị của vật tư, công cụ, dụng cụ, hàng hóa... còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản, và chấn chỉnh công tác quản lý hàng tồn kho tại doanh nghiệp.
- Mỗi năm doanh nghiệp phải thực hiện kiểm kê hàng tồn kho và các tài sản khác một lần vào cuối năm.
- Trước mỗi lần kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho việc kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán các sổ sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho đều phải được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư, hàng hóa, công cụ, dụng cụ...
- Căn cứ vào kết quả kiểm kê, giám đốc công ty cùng hội đồng kiểm kê đưa ra những biện pháp thích hợp với những trường hợp vi phạm, sai trái. Kế toán tiến hành ghi sổ dựa vào kết quả kiểm kê.

*** Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.**

- Nếu kết quả kiểm kê cho thấy nguyên vật liệu tồn kho tăng so với sổ sách thì kế toán ghi:

Nợ TK 152:

Có TK 412:

- Nếu kết quả kiểm kê thấy nguyên vật liệu tồn kho giảm so với sổ sách thì kế toán ghi:

Nợ TK 412:

Có TK 152:

1.2.5 Sổ sách sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu

Theo chế độ kế toán hiện hành của Bộ trưởng bộ tài chính ban hành ở nước ta nếu áp dụng hình thức kế toán tổng hợp nào thì vẫn sử dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau: Nhật ký chứng từ; Nhật ký chung; Chứng từ ghi sổ; Nhật ký – sổ cái.

- Theo hình thức Nhật ký chứng từ gồm các loại sổ kế toán:

- + Nhật ký chứng từ số 5
- + Bảng kê số 3
- + Sổ cái 152
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- Theo hình thức Nhật ký chung gồm các loại sổ kế toán:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái tài khoản 152
 - + Các sổ thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- Theo hình thức Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán:
 - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - + Sổ cái 152
 - + Các sổ thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- Theo hình thức Nhật ký – sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:
 - + Nhật ký sổ cái
 - + Các sổ thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG

2.1 Đặc điểm, tình hình chung của công ty

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Phú Hưng

2.1.1.1 Tên, địa chỉ, quy mô của công ty TNHH Phú Hưng

- Tên công ty: Công ty TNHH Phú Hưng
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 6 – phường Quán Trữ - quận Kiến An – thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: (031) 3790156
- Fax: (013) 3790190
- Công ty TNHH Phú Hưng là công ty ngoài quốc doanh, với vốn điều lệ là: 40.879.890.000(Bốn mươi tỷ, tám trăm bảy chín triệu, tám trăm chín mươi nghìn)
- Giấy phép thành lập công ty số: 005802GP/TLDN – 02 ngày 17/10/1996 của ủy ban thành phố Hải Phòng. Có mã số thuế 0200137682, tài khoản số 2104211000256 tại Ngân hàng ĐT&PT nông thôn quận Kiến An, Hải Phòng
- Đăng ký kinh doanh số: 052289 được Ủy ban kế hoạch (Nay là sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 1996.
 Đăng ký kinh doanh thay đổi lần VI số 052289 ngày 23 tháng 10 năm 2009.
- Giấy chứng nhận hệ thống vận hành tổ chức quản lý phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001- 2000, chứng chỉ số QS6745 ngày 04/01/2009.

2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển công ty

- Công ty TNHH Phú Hưng tiền thân là xưởng sản xuất cơ khí, sắt thép, đồ mộc với quy mô nhỏ, tổ chức sản xuất kinh doanh trong những năm đầu thập niên 90 với số vốn không nhiều, cơ sở vật chất thiếu thốn, số lượng lao động chỉ có 20 người.
- Đến đầu năm 1996, do tình hình thực tế cũng như nhu cầu thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, ban lãnh đạo đã họp lại cùng chung vốn và xin ý kiến cấp trên ra quyết định thành lập công ty.

- Với quyết định này hoạt động sản xuất kinh doanh của phân xưởng đã mở rộng sang lĩnh vực nhận thầu xây dựng các cơ sở hạ tầng, công trình công nghiệp- dân dụng, giao thông thủy lợi, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, đồ mộc; trang trí nội thất, ngoại thất.

Sự thay đổi này đã mở ra cho doanh nghiệp một bước phát triển mới đầy triển vọng trong cơ chế thị trường. Từ đó công ty không ngừng sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, tăng năng lực sản xuất, đổi mới phương thức quản lý để phù hợp với xu thế phát triển chung, đưa công ty phát triển vững mạnh, đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng nâng cao.

- Trải qua hơn 10 năm thành lập công ty TNHH Phú Hưng không ngừng lớn mạnh, tăng trưởng về mọi mặt, thường xuyên xây dựng và kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, quản lý đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động. Tính đến thời điểm này công ty đã tiếp nhận và thi công hàng chục công trình với quy mô lớn, ở nhiều địa phương khác nhau với yêu cầu phức tạp nhưng vẫn đảm bảo tốt yêu cầu kỹ thuật, thẩm mỹ, chất lượng và tiến độ thực hiện.

2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty TNHH Phú Hưng

Công ty TNHH Phú Hưng tổ chức sản xuất kinh doanh các ngành nghề:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Xây dựng các công trình giao thông thủy
- San lấp mặt bằng, dựng kè, cầu cống, đê điều, bến đàu.
- Tư vấn xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
- Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế công trình cầu hầm và đường bộ.
- Trang trí nội thất, ngoại thất.
- Kinh doanh bất động sản.
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, điện lạnh, điện dân dụng.
- Xây dựng công trình thủy sản với quy mô vừa và nhỏ.
- Sản xuất gia công cơ khí, mộc, sắt thép xây dựng.
- Chuyên chở, vận tải hàng hóa đường bộ

- Kinh doanh vật tư, hàng hóa.

2.1.3 Nhưng thuận lợi và khó khăn mà công ty gặp phải trong quá trình hoạt động

*** Thuận lợi:**

Khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng công ty TNHH Phú Hưng đã có những thuận lợi:

- Địa bàn hoạt động của công ty không những chỉ ở trong thành phố mà còn được mở rộng ra vùng trọng điểm kinh tế phía bắc và các tỉnh lân cận nên có khả năng được hưởng những tiện ích về cơ sở hạ tầng, những chính sách ưu đãi của nhà nước. Thuận lợi này tạo ra những lợi thế tương đối vững chắc trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

- Trụ sở của công ty nằm ở vị trí khá thuận lợi, nằm ngay chính ngã ba trong cụm phát triển công nghiệp Quán Trữ- Kiến An- Hải Phòng, vì vậy có rất nhiều thuận lợi trong việc giao dịch kinh doanh, trao đổi về thông tin kinh tế thị trường, chủ động trong việc lựa chọn các hình thức kinh doanh của công ty để đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Công ty có được một người giám đốc có năng lực điều hành, quản lý tốt, có những phương pháp, đường lối chiến lược phát triển công ty hiệu quả. Đây cũng chính là cơ sở làm cho bộ máy công ty vận hành và phát triển vững chắc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó là một đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn, và một đội ngũ công nhân lành nghề không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ.

- Thị trường lao động của Việt Nam rất dồi dào và càng ngày càng nhiều lao động được qua đào tạo nên công ty có rất nhiều thuận lợi trong việc tìm nhân công.

- Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế mở, đây là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp học hỏi khoa học kỹ thuật hiện đại của các nước trên thế giới trong thi công, dần thay thế sức lao động thủ công của con người trong xây dựng bằng máy móc, trang thiết bị hiện đại, đảm bảo an toàn lao động cao hơn cho con người mà còn tạo ra hiệu quả sản xuất cao.

- Bên cạnh đó công ty TNHH Phú Hưng cũng như các doanh nghiệp xây dựng khác trong cả nước luôn nhận được sự hỗ trợ từ nhà nước như: hỗ trợ về lãi suất như năm nay nhà nước đã giảm lãi suất cơ bản, và các công ty xây dựng còn nhận được gói hỗ trợ 4% của chính phủ.
- Do xu hướng kinh tế Việt nam đang phát triển, nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng lớn, đây là thuận lợi cho công ty trong việc kinh doanh.
- Chính bản thân công ty cũng đã tạo cho mình những thuận lợi nhất định như: Công ty đã thành lập từ rất sớm và có một thời gian phát triển bền vững trong lĩnh vực hoạt động của mình, đã tự tạo ra vị thế kinh doanh vững chắc và uy tín cao trên thị trường; qua thời gian hoạt động lâu dài công ty đã có những khách hàng, đối tác quen thuộc, hơn nữa công ty luôn giữ vững uy tín trên thị trường, đảm bảo các công trình thi công luôn đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, an toàn mà đúng thời gian thi công. Vì vậy, công ty luôn có thêm những khách hàng mới và uy tín luôn được nâng cao.

*** Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi mà công ty có được thì công ty cũng gặp phải không ít những khó khăn.

- Do đặc thù của công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên địa bàn sản xuất kinh doanh của công ty rất rộng, hầu khắp các quận huyện trong thành phố và các tỉnh khác, vì vậy cán bộ công nhân viên luôn phân tán rải rác do nhu cầu công việc làm cho việc quản lý, giám sát gặp rất nhiều khó khăn.
- Công ty TNHH là một doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, nhận thầu các công trình nên khối lượng vốn bỏ ra để thực hiện công trình là rất lớn mà chỉ được ứng trước một số vốn nhất định, chỉ khi nào công trình hoàn thành và được nghiệm thu thì mới thu hồi được vốn, do đó vốn đọng lại tại các công trình là rất lớn làm cho công ty gặp rất nhiều khó khăn về vấn đề vốn để thi công.
- Công ty kinh doanh trong ngành xây dựng, mà các công trình thường xây dựng trong thời gian dài, còn giá cả nguyên vật liệu đầu vào thì liên tục thay đổi hầu như đều theo chiều hướng tăng gây nhiều khó khăn cho công ty, vì khi nhận thầu thì

nguyên vật liệu ở một giá mà khi thi công giá đã thay đổi rất nhiều. Ví dụ: đầu năm 2008, giá thép tăng đến 90%, giá gạch tăng 300%, xi măng tăng 200% công hưởng với giá nhân công và lãi suất vay ngân hàng gia tăng mạnh đã khiến cho nhiều doanh nghiệp xây dựng phải tạm ngừng hoạt động thi công. Nhiều doanh nghiệp xây dựng đã phải bù lỗ rất lớn và công ty TNHH Phú Hưng cũng không tránh khỏi.

- Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và đặc biệt là sự kiện Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO vào đầu tháng 1/2007 vừa qua đánh dấu một bước phát triển mới của nền kinh tế Việt Nam. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức rất lớn đối với công ty. Gia nhập WTO nền kinh tế bắt đầu mở cửa đối với các doanh nghiệp nước ngoài, đó là những đối thủ cạnh tranh cực kì nặng kí của công ty. Công ty phải chia sẻ thị trường với rất nhiều đối thủ và phải cố gắng nhiều hơn để không bị loại ra khỏi thị trường.

2.1.4 Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây

- Công ty đã trúng thầu và thi công rất nhiều công trình lớn nhỏ
- Hàng năm công ty đã tăng tổng tài sản và tổng nguồn vốn với tốc độ tăng bình quân cao như trong 3 năm gần đây:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Tổng tài sản	71.523.768.135	85.299.131.436	96.743.132.616
- Tài sản lưu động	62.136.045.336	77.093.171.291	89.243.556.115
2. Tổng nguồn vốn	71.523.768.135	85.299.121.436	96.743.132.616
- Vốn chủ sở hữu	8.358.164.826	9.059.487.030	9.467.036.556

Nhìn vào bảng trên ta thấy, tổng tài sản và tổng nguồn vốn của công ty tăng qua các năm. Năm 2008 đã tăng gần 14 tỷ so với năm 2007 và năm 2009 tăng hơn 25 tỷ so với năm 2007. Trong đó công ty đã tăng được tài sản lưu động lên rất nhiều làm cho công ty phần nào giảm bớt kho khăn trong việc tìm vốn để thi công mới các công trình và vốn chủ sở hữu của công ty cũng tăng qua các năm làm giảm bớt rủi ro tài chính cho công ty.

- Bên cạnh thi công những công trình mới công ty còn đẩy mạnh thi công các công trình đang dở dang để hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình, giữ

vững uy tín với bạn hàng, xây dựng kế hoạch thu hồi vốn hợp lý để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy trong những năm gần đây doanh thu và lợi nhuận của công ty không ngừng tăng cao, thu nhập của công nhân viên được cải thiện rõ rệt. Được biểu hiện qua kết quả tổng hợp tài chính trong 3 năm gần đây:

Đơn vị tính: đồng

STT	Năm	Giá trị thực hiện	Doanh thu	Lợi nhuận
1	2007	38.200.000.000	21.530.614.751	+188.868.698
2	2008	53.500.000.000	28.054.539.655	+320.756.433
3	2009	65.700.000.000	29.035.312.356	+487.549.526
	Tổng 3 năm	157.400.000.000	71.697.785.140	+674.147.032

- Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh và được nhà nước và chính phủ tặng thưởng như:

+ Công ty được chính phủ tặng bằng khen

+ Chủ tịch nước tặng huân chương lao động hạng ba vào năm 2006....

2.1.5 Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ

2.1.5.1 Đặc điểm sản phẩm

- Sản phẩm chính của công ty là những công trình xây dựng, vật kiến trúc ... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài,...Do đó việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công). Quá trình sản xuất xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo, đồng thời để giảm rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp.

- Sản phẩm của công ty được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư(giá đấu thầu),do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ.

- Sản phẩm của công ty luôn cố định tại nơi sản xuất, còn các điều kiện sản xuất (như máy móc, thiết bị thi công, người lao động ...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm.

- Sản phẩm của công ty từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng thường là thời gian kéo dài. Nó phụ thuộc vào quy mô, tính phức tạp về kỹ thuật của công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại chia thành nhiều công việc khác nhau, các công việc thường diễn ra ngoài trời và chịu nhiều tác động của các nhân tố thời tiết như nắng, mưa, bão, lụt... Vì vậy nên dễ mất mát, hư hỏng...

- Dưới đây là một số sản phẩm điển hình mà công ty đã thực hiện:

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Tên công trình	Tên cơ quan chủ đầu tư	Loại công việc thực hiện	Giá trị hợp đồng
1	Nhà điều dưỡng ngân hàng NN & PTNT Việt Nam tại thị xã Đồ Sơn- HP	Ngân hàng NN & PTNT Hải Phòng	Xây mới 9 tầng	22.000.000
2	Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ công an thành phố Hải Phòng	Công an thành phố Hải Phòng	Xây mới 7 tầng	16.776.354
3	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng làm nhà để bán và tái định cư phường Bắc Sơn	Công ty TNHH Phú Hưng	Xây mới	18.275.470
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công viên rừng Thiên Văn- quận Kiến An	UBND quận Kiến An	Năng cấp cải tạo	15.067.828
5	Mở rộng nhà hiệu bộ học viện ngân hàng	Học viện ngân hàng Hà Nội	Xây mới 7 tầng	8.107.054
6	Dự án xây dựng khu nhà ở để bán phường Quán Trữ	Cty TNHH Phú Hưng	Xây mới	8.024.000
7	Xây dựng thoát nước và đường từ, cống thi, đường Đinh Đoài đến công thợ Cầu Vòng- Đồ Sơn	UBND thị xã Đồ Sơn	Cải tạo Năng cấp	5.500.000

8	Xây dựng móng trường dạy nghề Thái Bình	Trường dạy nghề Thái Bình	Xây mới	5.456.000
9	Xây dựng hạ tầng kiến trúc khu B thuộc dự án đầu tư khu tái định cư đường Le Quý Đôn thành phố Thái Bình	Ban quản lý Dự án đường Trần Lãm – Thái Bình	Xây mới	7.480.245
10	Xây dựng nhà làm việc 2 tầng và các công trình phụ thuộc dự án cải tạo, nâng cấp nhà hát thành phố Hải Phòng giai đoạn II	Ban quản lý dự án các công trình văn hóa thông tin HP	Xây mới	5.157.492

Ngoài ra, công ty còn thực hiện nhiều công trình xây dựng khác tại các địa bàn và các tỉnh ngoài.

2.1.5.2 Quy trình công nghệ

Trong những năm vừa qua công ty liên tục mở rộng địa bàn hoạt động, tiếp nhận thêm nhiều công trình và nhiều lĩnh vực khác nhau trên cơ sở vẫn giữ quan hệ với khách hàng truyền thống đồng thời kết hợp tìm kiếm những gói thầu mới. Do đó công nghệ, máy móc thi công, phương tiện vận tải ngày càng nhiều chủng loại, do nhiều nước sản xuất:

- Thiết bị thi công gồm:

- + 2 cái cần cẩu tháo chạy trên ray (Liên Xô)
- + 1 cái cần cẩu tháp treo (Liên Xô)
- + 1 cái cần cẩu nốp của Nhật
- + 3 cái máy xúc ngoạm bánh xích của Nhật và Hàn Quốc
- + 2 cái máy xúc ngoạm nốp của nhật và Hàn Quốc
- + 4 xe gạt ủi của Liên Xô
- + 5 máy đầm cóc của Nhật
- + 5 cái máy lu bánh thép của Nhật
- + 5 cái máy trộn bê tông di động của Nhật –Italy

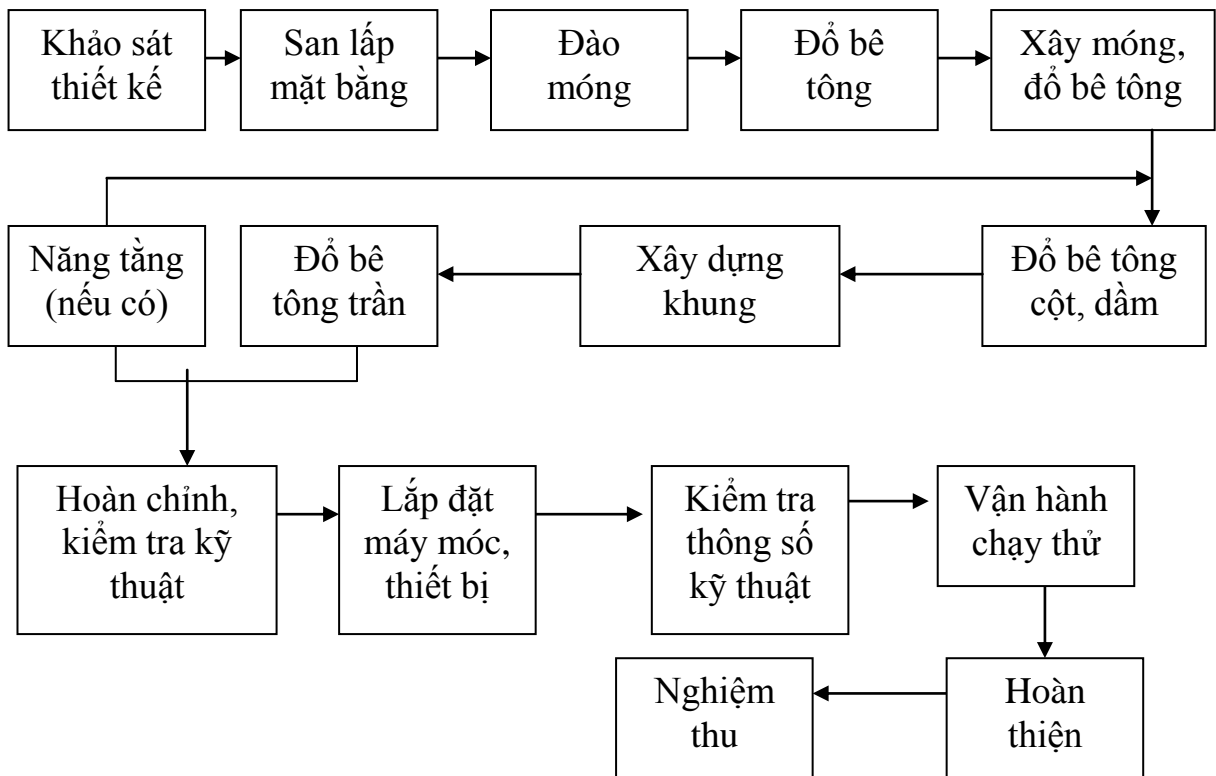
.....

- Phương tiện vận tải gồm:

- + 10 cái ô tô IFA ben của Đức
- + 7 cái ô tô Hyundai tự đổ của Hàn Quốc
- + 4 cái xe tải con của Hàn Quốc

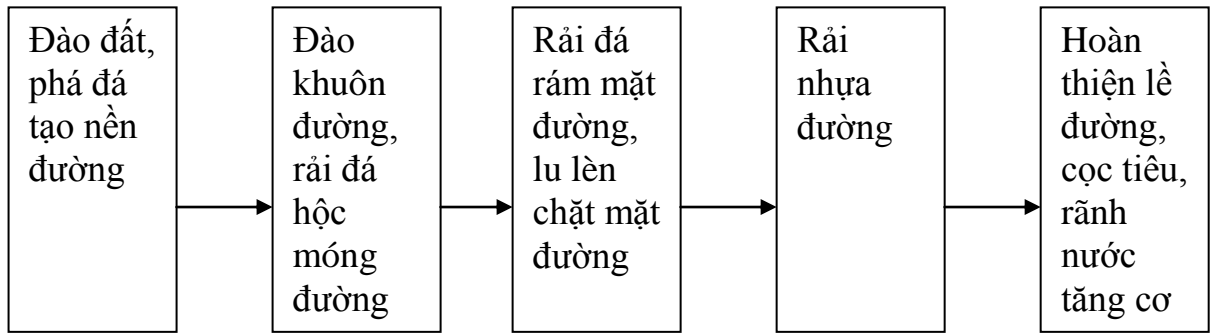
Ngoài ra trang thiết bị văn phòng hiện đại phục vụ cho công tác tính toán hạch toán nhanh chóng, hiệu quả, tùy theo tính chất công việc. Diện tích nhà làm việc rộng rãi, thoáng mát đạt tiêu chuẩn đảm bảo công tác quản lý. Nhìn chung cơ sở vật chất trang thiết bị của công ty là hiện đại, đáp ứng được nhu cầu làm việc và thi công xây lắp. Do đặc thù của lĩnh vực xây dựng nên sản phẩm là các công trình, hạng mục công trình... Dưới đây là sơ đồ khái quát về quy trình công nghệ xây lắp các công trình, hạng mục công trình.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ khái quát về quy trình xây dựng nhà ở, nhà làm việc, chung cư



Để thi công công trình làm đường công ty phải sử dụng đến những loại máy móc như: máy ủi đất, máy đầm, máy rải đá, máy đập chèn đá, máy trộn cấp phối, máy trộn nhựa nóng, máy rải nhựa, máy lu chèn bạt lè và các thiết bị hoàn thiện kiểm tra đường. Sau đây là sơ đồ tóm tắt quy trình làm đường.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ khái quát về quy trình làm đường



2.1.6 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý công ty

2.1.6.1 Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp

Công ty TNHH Phú Hưng tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp và các luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của công ty hiện tại gồm các phòng ban và các đội xây dựng, các xưởng sản xuất, các đội vận tải cơ giới

- Các phòng ban bao gồm: Phòng kế hoạch đầu tư, Phòng kỹ thuật, Phòng kế toán tài vụ, Phòng tổ chức hành chính, Phòng thiết bị vật tư, Phòng chính trị tổ chức lao động, Phòng bảo vệ.
- Các đội xây dựng
- Các xưởng sản xuất
- Các đội vận tải

2.1.6.2 Cơ cấu tổ chức quản lý

Tổ chức quản lý công ty gồm:

- Giám đốc: là người có vai trò và thẩm quyền cao nhất công ty, là người chỉ huy, chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành, quản lý chung mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của công ty. Giám đốc công ty có trách nhiệm xây dựng chính sách, đường lối phát triển của công ty, đồng thời thường xuyên cải tiến phương pháp làm việc sao cho hợp lý, phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Phó giám đốc hành chính: quản lý chặt chẽ công tác an toàn lao động, đặc biệt là công tác văn thư mật đúng theo chế độ quy định của nhà nước, của ngành, của đơn vị. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện chế độ, chính sách, nội quy-quy định của công ty. Xây dựng kế hoạch, thông báo kế hoạch đã

được giám đốc phê duyệt về lịch công tác, lịch làm việc, lịch trực của công ty, của phòng ban, đội xây dựng, về công tác đảm bảo an toàn lao động về người và tài sản trong công ty.

- Phó giám đốc tài chính: có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về vấn đề tài chính của công ty, có trách nhiệm quản lý bộ phận tài chính, đảm bảo số liệu chính xác, đầy đủ, trên cơ sở đó phân tích số liệu để báo cáo cấp trên. Tham gia ký kết hợp đồng kinh tế, các gói thầu, các chứng từ giao dịch với ngân hàng, các biên bản, công văn khi giám đốc ủy quyền.

- Phó giám đốc kỹ thuật: Đại diện cho công ty quản lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến mặt kỹ thuật, đồng thời trực tiếp chỉ đạo phòng kỹ thuật theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc các tổ đội thi công công trình.

- Các phòng ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho các phó giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của phó giám đốc. Công ty hiện có 7 phòng ban với các chức năng nhiệm vụ sau:

+ Phòng tổ chức hành chính có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị

+ Phòng kế hoạch dự án có chức năng xác định mục tiêu phương hướng hoạt động kinh doanh, lập dự án cho công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phòng kế toán tài vụ có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tổ chức của Nhà nước.

+ Phòng kỹ thuật có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp hoặc thay thế máy móc thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao, tham gia giám sát các hoạt động đầu tư về máy móc, thiết bị của công ty và các công trình đầu tư thi công.

+ Phòng thiết bị vật tư có nhiệm vụ lựa chọn, tìm kiếm nhà cung cấp đáp ứng được yêu cầu xây lắp của công ty, cung cấp vật tư, hàng hóa, thiết bị một cách kịp thời, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng các loại, đồng thời kiểm tra vật tư, khi nhập

kho, kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của chúng từ khi giao nhận vật tư và trước khi thanh toán với nhà cung cấp.

+ Phòng chính trị tổ chức lao động: Mọi kế hoạch của phòng được đặt dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy mà trực tiếp là Bí thư Đảng ủy kiêm trưởng phòng chính trị tổ chức lao động. Chức năng của phòng là lập và báo cáo với Đảng ủy về nội dung, công tác Đảng, công tác chính trị trong công ty, sau đó căn cứ vào nghị quyết của đảng ủy và mệnh lệnh của ban giám đốc để tiến hành công tác chính trị theo nội dung, nghị quyết của Đảng ủy đề ra như công tác xây dựng đảng, nhân sự, tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, văn hóa cho cán bộ toàn công ty

+ Phòng bảo vệ có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của công ty.

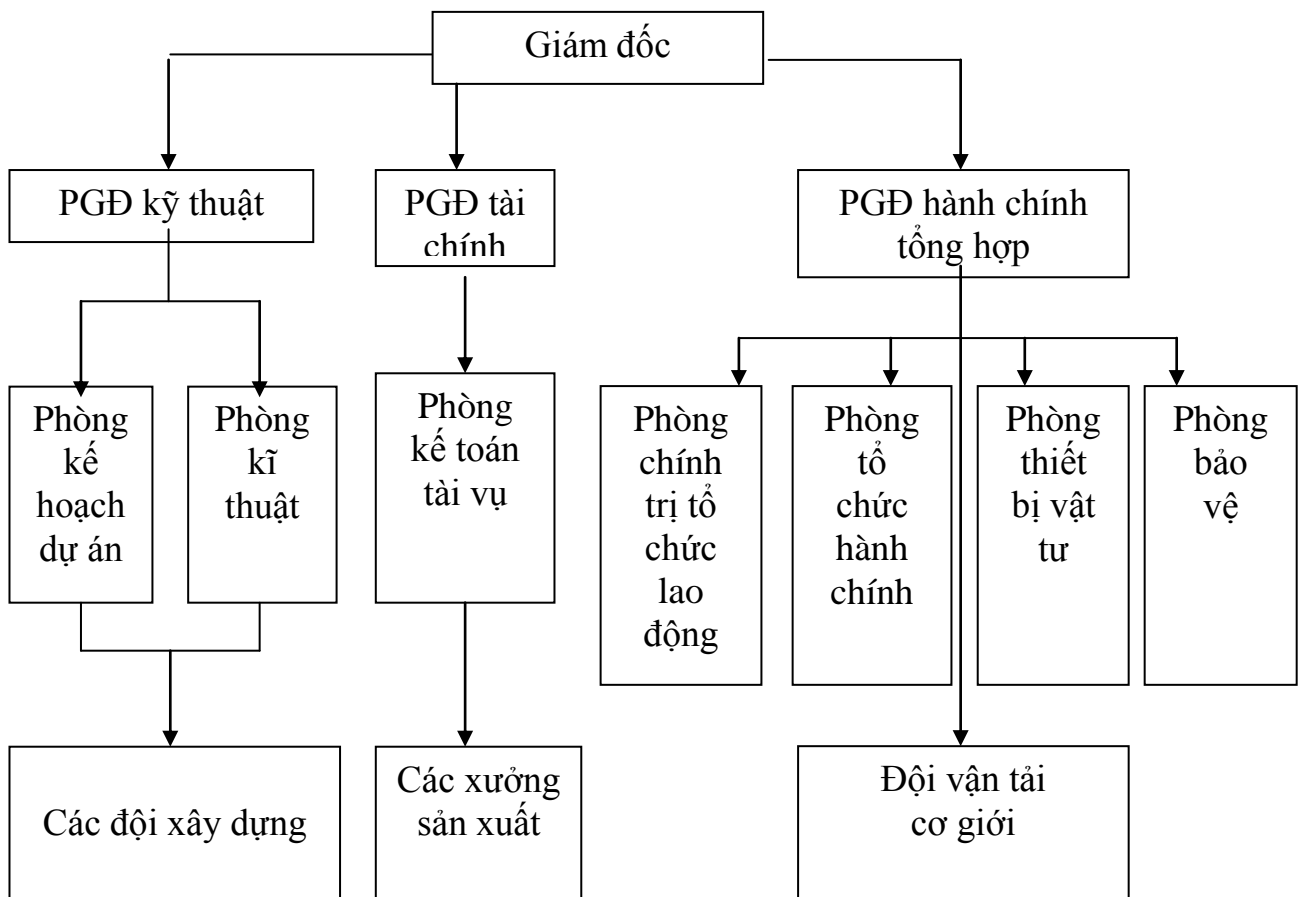
- Các đội xây dựng làm nhiệm vụ trực tiếp thi công các công trình của công ty tại các công trường.

- Các xưởng sản

- Đội vận tải cơ giới

Sau đây là sơ đồ thể hiện bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.3: Bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Phú Hưng

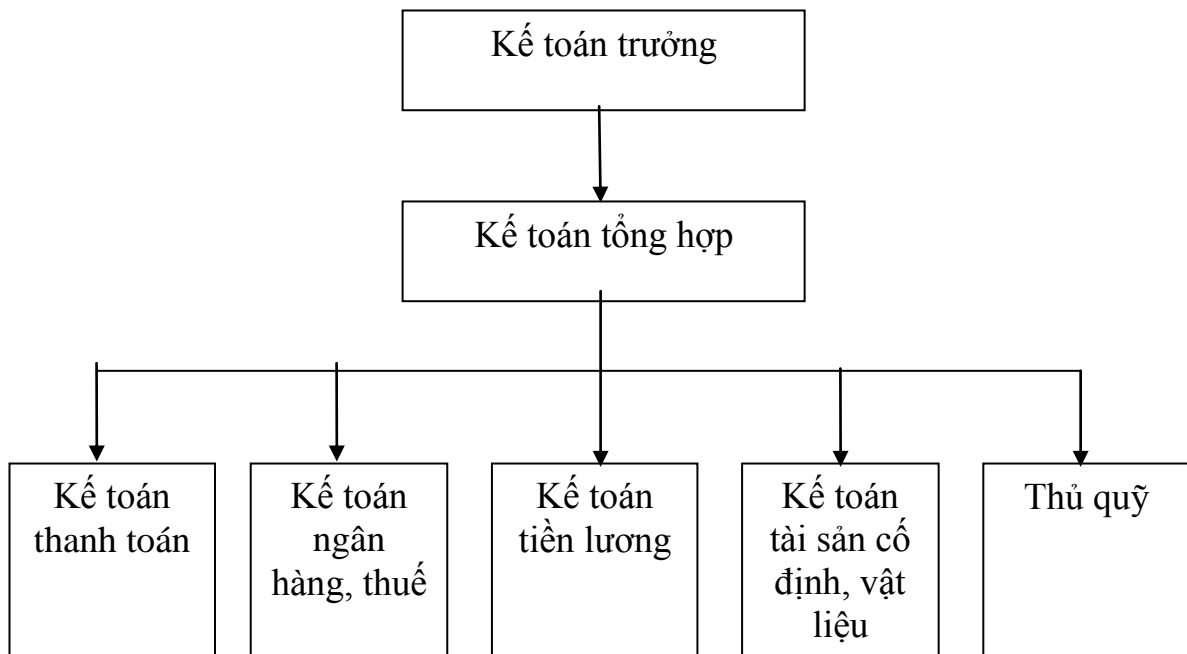


2.1.7 Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.7.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của công ty TNHH Phú Hưng được tổ chức theo mô hình tập trung, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được tập trung ở phòng kế toán công ty. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra, thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác kịp thời nhưng thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty, từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đề ra biện pháp, các quyết định phù hợp với đường lối phát triển của công ty.

- Tại văn phòng kế toán có 7 người: kế toán trưởng, 1 kế toán tổng hợp, 4 kế toán viên và 1 thủ quỹ.



+ Kế toán trưởng là người đứng đầu, trực tiếp phụ trách phòng kế toán-tài vụ của công ty, chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp lý, tài chính cấp trên, giám đốc công ty về các vấn đề có liên quan đến tình hình tài chính, công tác kế toán của công ty. Có nhiệm vụ quản lý, tổ chức, điều hành toàn bộ công tác kế toán tài chính theo hoạt động chức năng chuyên môn, kiểm tra công tác hạch toán kế toán, thống kê do nhân viên kế toán thực hiện, tham mưu cho lãnh đạo công ty trong hoạt động sản

xuất kinh doanh về công tác quản lý tài chính kinh tế như sử dụng tiền vốn của công ty theo đúng chế độ chính sách của nhà nước ban hành.

+ Kế toán tổng hợp: đối chiếu và tổng hợp số liệu kế toán do các kế toán viên chuyển sang để ghi vào sổ cái tổng hợp cho các phần hành, thực hiện các bút toán kết chuyển, khóa sổ kế toán cuối kỳ, tổng hợp chi phí giá thành cho các công trình. Giám sát kiểm tra công tác hạch toán của các nhân viên khác, lập báo cáo tài chính của công ty.

+ Kế toán thanh toán: theo dõi tình hình thu- chi, sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty. Theo dõi tình thanh toán công nợ của công ty với các đối tượng: khách hàng, nhà cung cấp, nội bộ công ty.

+ Kế toán ngân hàng và thuế: là người trực tiếp quan hệ với các cơ quan có liên quan bên ngoài công ty như: ngân hàng, cục thuế. Nhiệm vụ của kế toán viên này là theo dõi tài khoản của công ty trong ngân hàng, thường xuyên đối chiếu với ngân hàng các khoản tiền gửi, tiền vay để báo cho lãnh đạo cấp trên. Thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đối với nhà nước hàng tháng, tập hợp hóa đơn kê khai thuế đầu vào và căn cứ vào khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thiện tính doanh thu kê khai thuế đầu ra với cục thuế để từ đó tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước.

+ Kế toán tiền lương: có nhiệm vụ dựa vào bảng chấm công và bảng tính lương phải trả hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, KPCĐ và các khoản khác cho cán bộ công nhân viên trong công ty, ghi sổ chi tiết và sổ cái tài khoản tiền lương và các khoản trích theo lương chuyển lên kế toán tổng hợp.

+ Kế toán tài sản cố định có nhiệm vụ tập hợp và ghi chép mọi nhiệm vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cả về số lượng và giá trị, quản lý tình hình nhập, xuất, tồn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

+ Thủ quỹ: có nhiệm vụ bảo quản tiền mặt, thực hiện thu- chi đối với các chứng từ thanh toán đã được cấp trên phê duyệt.

2.1.7.2 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tại công ty

Công ty TNHH Phú Hưng tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.7.3 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản

Công ty TNHH Phú Hưng tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính.

- Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu công ty sử dụng tài khoản 152 “nguyên liệu, vật liệu”, và được mở chi tiết theo từng đối tượng nguyên vật liệu để hạch toán cho thuận lợi.

- Để tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ kế toán sử dụng tài khoản 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và chi tiết theo từng công trường

- Một số tài khoản liên quan như: 111, 112, 331...

2.1.7.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty

Công ty TNHH Phú Hưng áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Công tác kế toán được sự trợ giúp của máy vi tính. Hệ thống sổ kế toán được khái báo trên máy vi tính theo đúng các mẫu sổ sách quy định của chế độ hiện hành.

- Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

- Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho: thẻ song song

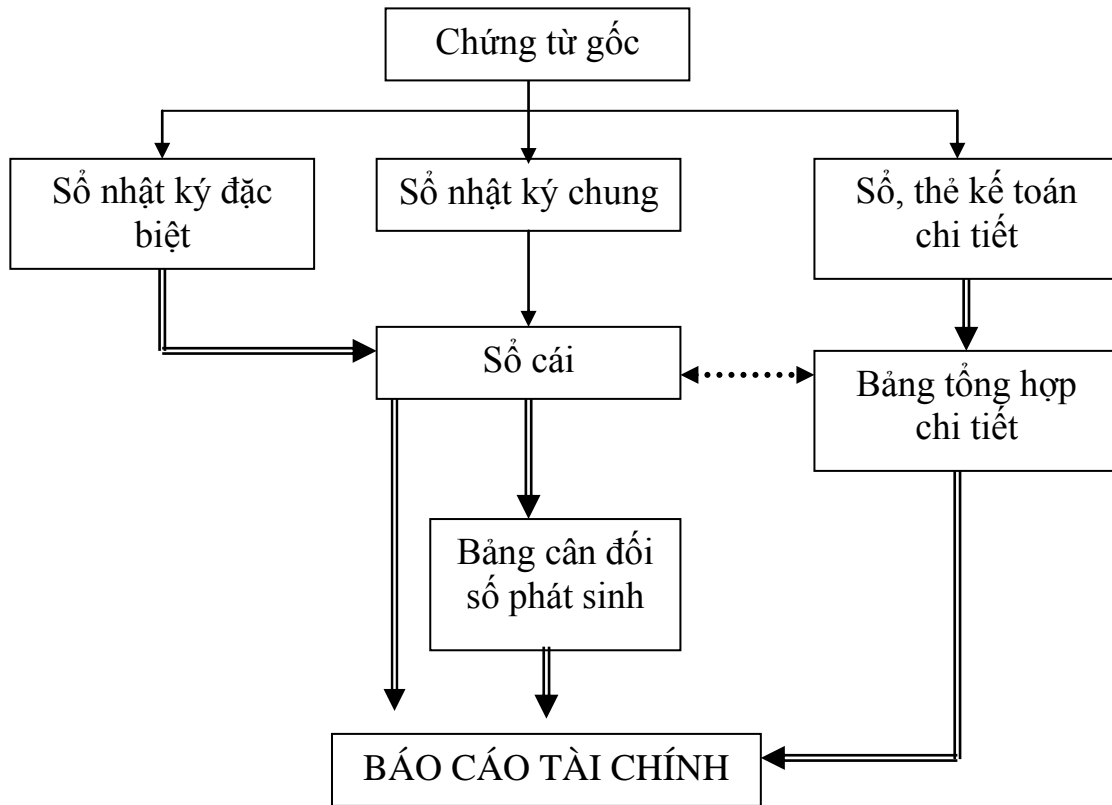
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ

- Niên độ kế toán: kế toán năm từ 01/01 đến 31/12

- Đơn vị tiền tệ: đồng (VND)

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Trình tự ghi sổ của công ty TNHH Phú Hưng theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ khái quát quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Chú thích:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: =========>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

Hàng ngày tập hợp các chứng từ gốc để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung. Sau đó, ghi vào sổ cái các tài khoản, đồng thời ghi vào các sổ thẻ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, đồng thời cộng số liệu trên bảng tổng hợp các tài khoản để kiểm tra đối chiếu số liệu với sổ cái làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

2.1.7.5 Tổ chức vận dụng báo cáo kế toán

Công ty TNHH Phú Hưng tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính.

Gồm:

- Bảng cân đối kế toán _ mẫu số B01-DNN
- Báo cáo kết quả kinh doanh _ mẫu số B02-DNN
- Bảng cân đối tài khoản _ mẫu số F01-DNN

2.2 Thức trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng**2.2.1 Tổ chức công tác quản lý chung về nguyên vật liệu trong công ty****2.2.1.1 Đặc điểm tổ chức nguyên vật liệu tại công ty**

Công ty có một kho tại Kiến An – Hải Phòng để quản lý nguyên vật liệu cho các công trình có quy mô vừa và nhỏ tại Hải Phòng. Còn các công trình tại các địa phương khác và các công trình lớn thì các đội thi công trực tiếp mua vật liệu phục vụ công trình đang thi công.

Sản phẩm của công ty là các công trình xây dựng được phân bố ở nhiều nơi, số lượng nguyên vật liệu lại bao gồm nhiều chủng loại, quy cách khác nhau với khối lượng mua, xuất dùng rất lớn và diễn ra một cách thường xuyên, liên tục. Mỗi loại nguyên vật liệu có vai trò, tính năng lý hóa khác nhau. Tại các công trình thì có bên A giám sát nên việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu không mấy kho khăn. Tại kho công ty có phòng vật tư quản lý.

Tại các công trình ở những địa phương khác toàn bộ nguyên vật liệu mua về được chuyển thẳng đến chân công trình để quản lý và theo dõi. Tại mỗi chân công trình đó được coi là một kho nhỏ của công ty và đội trưởng đội xây dựng phải có trách nhiệm theo dõi, quản lý trực tiếp nguyên vật liệu, nếu nguyên vật liệu bị thất thoát thì đội trưởng phải tự bỏ tiền riêng ra bù.

Tại kho công ty phòng vật tư mua nguyên vật liệu về kho để phục vụ cho các công trình tại khu vực Hải Phòng, và do nhân viên phòng vật tư quản lý.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu

Công ty TNHH Phú Hưng không tiến hành phân loại nguyên vật liệu do đặc thù kinh doanh công ty chỉ quản lý tại kho một số lượng ít nguyên vật liệu.

2.2.1.3 Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là dùng thước đo giá trị của vật liệu theo những phương pháp nhất định, bảo đảm yêu cầu chân thực và thống nhất.

2.2.1.3.1 Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Tại công ty TNHH Phú Hưng, nguyên vật liệu được mua từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá cả thu mua cũng khác nhau, chi phí thu mua từng thứ, từng loại cũng khác nhau, nhưng đều được hạch toán theo giá thực tế.

- *Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế.*

+ Nếu doanh nghiệp mua theo hợp đồng kinh tế thì giá thực tế được tính theo giá thảo thuận ghi trên hợp đồng (+) chi phí thu mua (nếu có)

+ Nếu doanh nghiệp không mua theo hợp đồng thì giá thực tế của nguyên vật liệu được tính theo giá mua ghi trên hóa đơn (+) chi phí thu mua (nếu có)

Trong đó chi phí thu mua bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, công tác phí của cán bộ thu mua.

Ví dụ: theo hóa đơn GTGT số 0087502 ngày 23 tháng 12 năm 2009, mua gạch men Terrazzo của công ty cổ phần VLXD Tiên Phong, với số lượng là 5000m², đơn giá 53.333,33đ/m².

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế} &= \text{Giá ghi trên hóa đơn GTGT} + \text{Chi phí thu mua} \\ &= 5.000 \times 53.333,33 + 0 \\ &= 266.666.600 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

2.2.1.3.2 Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Do nguyên vật liệu của công ty có khối lượng lớn, số lượng nhiều nên việc tính giá nguyên vật liệu được thực hiện theo phương pháp Nhập trước – xuất trước. Theo phương pháp này số vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi đến số nhập sau, nhập theo giá nào thì xuất theo đúng giá đó.

Ví dụ:

+ Đầu tháng 12/2009 công ty tồn kho 113 tấn xi măng với đơn giá là 775.000đ/tấn.

+ Tình hình nhập trong tháng:

- Ngày 5/12: Công ty mua 50 tấn xi măng với đơn giá 774.500đ/ tấn
- Ngày 17/12: Công ty mua 20 tấn xi măng với đơn giá 778.000đ/tấn

- Ngày 22/12: mua 50 tấn xi măng với đơn giá 771.428đ/tấn
- + Ngày 01/12/2009 công ty xuất 10 tấn xi măng cho công trường thi công. Vậy đơn giá của lần xuất này là đơn giá của lượng xi măng tồn đầu tháng là 900.000đ/tấn.

$$\begin{aligned}\text{Giá trị lần xuất xi măng ngày 1/12} &= \text{số lượng} \times \text{đơn giá} \\ &= 10 \times 775.000 = 7.750.000(\text{đồng})\end{aligned}$$

2.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng

2.2.2.1 Thủ tục nhập, xuất nguyên vật liệu

Công ty chỉ tiến hành thủ tục nhập xuất kho tại kho của công ty, còn tại các công trình lớn hoặc các công trình nằm ở xa thì không tiến hành thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu. Tại đây, nhân viên kỹ thuật có trách nhiệm lập bảng “dự trù mua sắm vật tư” dựa trên cơ sở là kế hoạch sản xuất thi công và định mức tiêu hao vật tư đã được phòng kỹ thuật thi công lập và phòng vật tư ký, sau đó trình cho đội trưởng ký duyệt. Sau đó, nhân viên nhân viên kỹ thuật ở đội tiến hành đi mua vật tư xây dựng theo bảng “ dự trù mua sắm vật tư” đó. Tất cả nguyên vật liệu mua về đều được chuyển thẳng đến chân công trình kèm theo hóa đơn GTGT hay biên lai mua hàng. Tại chân công trình, đội trưởng cùng nhân viên kỹ thuật và nhân viên bên A tiến hành kiểm nhận vật liệu rồi đưa vào phục vụ thi công.

* Đối với nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu tại kho.

- Nguyên vật liệu khi mua về tại kho của công ty đều phải được kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho. Khi nguyên vật liệu về đến kho sẽ được nhân viên phòng kỹ thuật kiểm tra chất lượng và quy cách vật liệu. Khi nguyên vật liệu đã đảm bảo quy cách và chất lượng thì mới tiến hành thủ tục nhập kho. Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng cán bộ thu mua lập “phiếu nhập kho” và đề nghị thủ kho cho nhập kho nguyên vật liệu. Thủ kho cho nhập kho theo đúng phiếu nhập kho đã lập về số lượng, chủng loại nguyên vật liệu.
- Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:
- + Một liên giao cho cán bộ phòng vật tư (kèm theo hóa đơn mua hàng) làm cơ sở thanh toán với phòng tài vụ.

+ Một liên giao cho thủ kho làm cơ sở để ghi thẻ kho.

+ Một liên gửi cho kế toán nguyên vật liệu.

- Nhập kho xong thủ kho ghi ngày, tháng, năm nhập kho và ký vào phiếu nhập kho, giữ lại một bản lấy số liệu ghi vào thẻ kho. Thủ kho có trách nhiệm sắp xếp nguyên vật liệu trong kho một cách khoa học, hợp lý đảm bảo thuận tiện cho việc kiểm tra nhập – xuất kho nguyên vật liệu. Căn cứ vào phiếu nhập kho và các chứng từ, kế toán vật tư tiến hành tính ra số tiền trên mỗi phiếu nhập kho và ghi vào cột thành tiền.

$$\text{Thành tiền} = \text{Số tiền} \times \text{đơn giá}$$

Cuối tháng kế toán ghi vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu và đối chiếu giá trị nguyên vật liệu với kế toán tổng hợp và kế toán thanh toán.

Ví dụ: Ngày 22/12/2009 cán bộ thu mua của công ty mua xi măng của công ty TNHH TM & VT Khải Nguyên số lượng là 50 tấn đơn giá 771.428đ/tấn. Sau khi nhận được hóa đơn mua hàng số 0058654 và hàng về đến kho, thủ kho cùng cán bộ kỹ thuật kiểm tra số lượng và chất lượng của xi măng.

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QE/2009B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0058654

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY TNHH TM & VT KHẢI NGUYỄN 34B Tôn Đức Thắng – An Đông – An Dương – Hải Phòng MST: 0200735749
Địa chỉ:.....	
Số tài khoản:.....	
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng: Bùi Văn Hưng
 Tên đơn vị: Công ty TNHH Phú Hưng
 Số tài khoản: 2104211000256
 Hình thức thanh toán: CK MS: 0200137682

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Xi măng PCB 30	tấn	50	771.428	38.571.400
Cộng tiền hàng:					38.571.400
Thuế suất GTGT: 5%					Tiền thuế GTGT: 1.928.570
Tổng cộng thanh toán:					40.499.970
Số tiền viết bằng chữ: <i>bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu) Giám đốc	

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0058654 và hàng hóa mua về, phòng kỹ thuật kiểm tra chất lượng vật tư đã mua xem có đúng hóa đơn, quy cách hay không. Ban

kiểm nghiệm bao gồm nhân viên phòng kỹ thuật, phòng vật tư và thủ kho. Căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm để lập bản kiểm nghiệm vật tư.

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

Số: 227

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00358654 ngày 22 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH TM & VT Khải Nguyên.

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Quang Thọ - Phòng vật tư – Trưởng ban

+ Ông Phạm Ngọc Hà – Phòng kỹ thuật - ủy viên

+ Bà Nguyễn Thị Thủy – thủ kho - ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

S T T	Tên vật tư	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	SL trên CT	Kết quả kiểm nghiệm			Ghi chú
					Số lượng thực tế	SL đúng phẩm chất	SL sai phẩm chất	
1	Xi măng	Đếm, tính	Tấn	50	50	50	0	

Kết quả kiểm nghiệm: đều đúng quy cách phẩm chất

Đại diện kỹ thuật

(Đã ký)

Thủ kho

(Đã ký)

Trưởng ban

(Đã ký)

Căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm số 227, cán bộ thu mua tiến hành lập phiếu nhập kho. Nhập kho xong thủ kho ghi ngày, tháng, năm nhập kho và cùng người lập ký vào phiếu. Thủ kho giữ lại hai liên để sau đó chuyển một liên lên cho kế toán cùng với hóa đơn mua hàng.

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

Số : 25/5
Nợ : 152XM
Có : 112

Họ tên người giao hàng: Bùi Văn Hưng

Theo giấy biên bản giao nhận ngày: 22/12/2009

Nhập kho tại: Kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1,	Xi măngPCB	152XM	Tấn	50	50		
	Cộng	x	x	x	x	x	

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Đã ký)Người giao hàng
(Đã ký)Ngày 22 tháng 12 năm 2009
Kế toán trưởng
(Đã ký)*** Đối với nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu**

Khi có nhu cầu sử dụng vật liệu, đội trưởng đội xây dựng đề nghị xuất vật liệu với giám đốc. Sau đó giám đốc viết lệnh xuất vật tư và chuyển sang cho phòng kế hoạch vật tư lập phiếu xuất kho. Nhận được phiếu xuất kho, thủ kho cho xuất kho theo yêu cầu, khi xuất vật liệu thủ kho phải ghi rõ số lượng thực xuất lên phiếu xuất kho và thẻ kho. Phiếu xuất kho được thủ trưởng đơn vị, kế toán trưởng, người nhận vật tư và thủ kho ký tên. Phiếu xuất kho được lập làm 3 liên:

- Một liên giao cho thủ kho giữ để làm căn cứ ghi thẻ kho
- Một liên gửi cho kế toán nguyên vật liệu
- Một liên giao cho người nhận vật tư.

Ví dụ: ngày 22/12/2009 công ty xuất 10 tấn xi măng cho đội thi công số 2.

Đội trưởng đội xây dựng số 2 lên đề nghị giám đốc xuất 10 tấn xi măng để phục vụ thi công. Sau đó giám đốc viết lệnh xuất vật tư.

LỆNH XUẤT VẬT TƯ

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	152XM	Xi măng	Tấn	10
.....			

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng
 (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký)

Có lệnh xuất vật tư của giám đốc phòng vật tư sẽ lập phiếu xuất kho và chuyển cho thủ kho để xuất vật tư. Phiếu xuất kho lập làm 3 liên thủ kho giữ lại hai liên sau đó chuyển một liên lên cho kế toán nguyên vật liệu.

Đơn vị: Công ty TNHH Phú Hưng
 Địa chỉ: số 7 khu 6-Quán Trữ - Kiến An- HP

Mẫu số 02 - VT
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

Số: 12/5
 Nợ: 154
 Có: 152

Họ tên người nhận hàng: Đàm Xuân Khánh
 Địa chỉ: công trường trung tâm huấn luyện nghiệp vụ công an thành phố
 Lý do xuất: Phục vụ thi công
 Xuất kho tại: kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB	152XM	Tấn	10	10		
	Cộng	x	x	x	x	x	

Cộng thành tiền(viết bằng chữ):

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng
 (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký) (Đã ký)

2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

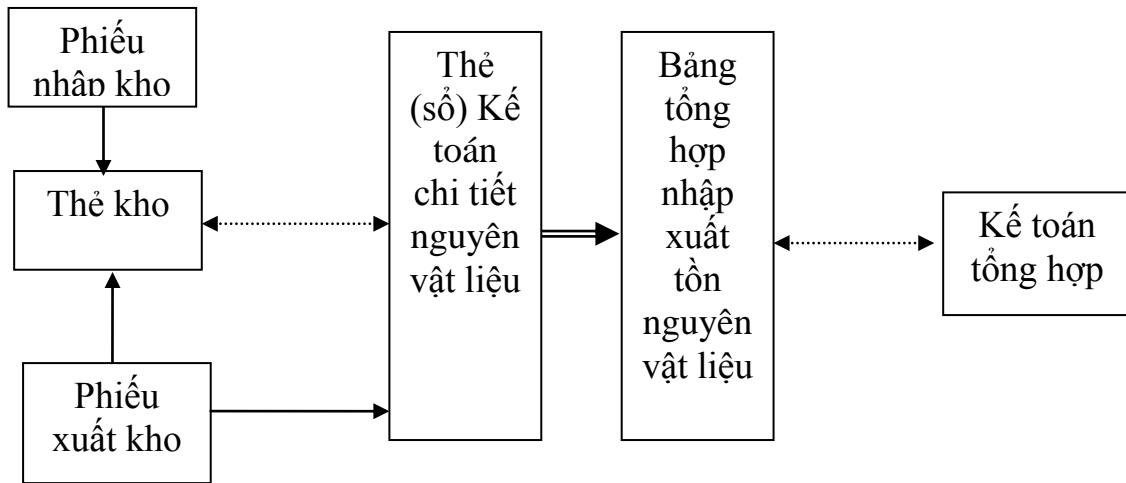
- Hóa đơn mua hàng (GTGT)
- Biên lai mua hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ
- Thẻ kho

2.2.2.2 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng

Công ty TNHH Phú Hưng thực hiện kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Nhưng tại những công trình ở địa phương khác hay nằm xa địa điểm kho của công ty thì được mua về, xuất thẳng cho thi công và không tiến hành kế toán chi tiết nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu mua về, xuất dùng đều có hóa đơn GTGT hay biên lai mua hàng kèm theo, đối với công trình khoán gọn thì định kỳ kế toán đến công trường để nhận hóa đơn GTGT hay biên lai mua hàng để tiến hành hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu. Trường hợp không có hóa đơn hay biên lai mua hàng như xăng, dầu thì kế toán căn cứ vào phiếu chi để hạch toán.

Tại kho công ty vẫn tiến hành hạch toán theo phương pháp thẻ song song. Việc hạch toán chi tiết được tóm tắt theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại công ty TNHH Phú Hưng.



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
 Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

- Ở kho: thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra

số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu.

- Ở phòng kế toán: mở “thẻ kế toán chi tiết vật liệu” cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương đương thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật liệu phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ và tính ra số tiền. Sau đó, lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất vào thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng thẻ và đối chiếu với thẻ kho.

Ví dụ: Từ phiếu nhập số 25/5, phiếu xuất số 12/5 trên thủ kho phải ghi vào thẻ kho.

Công ty TNHH Phú Hưng

Số 7 – Khu 6- Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2009

Tờ số: 02

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng
- Đơn vị tính: Tấn
- Mã số: 152XM

NT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			XN của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tháng 12				113	
01/12		PX30/4	Đội thi công số 2	01/12		10	103	
02/12		PX33/4	Đội thi công số 2	02/12		5	98	
04/12		PX38/4	Đội thi công số 1	04/12		15	83	
05/12	PN17/5		CT Xuân Lâm	05/12	50		133	
...	
22/12	PN25/5		CT Xuân Lâm	22/12	50		97	
22/12		PX12/5	Đội thi công số 2	22/12		10	87	
...	
			Tồn kho tháng 12				87	

Thủ kho
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Tại phòng kế toán, kế toán chi tiết nguyên vật liệu khi nhận được hóa đơn GTGT số 0058654 và phiếu nhập kho số 25/5, phiếu xuất kho số 12/5 của thủ kho gửi lên thì tiến hành ghi số chi tiết nguyên vật liệu liên quan đên chứng từ đó.

Cuối năm, từ các số chi tiết nguyên vật liệu kế toán ghi vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu.

Công ty TNHH Phú Hưng**Số 7 khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng****SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản: 152 Tên kho: kho công ty

Tên vật liệu: Xi măng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	S L	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ							113	87.575.000
									
PX30/4	01/12	Xuất vật tư	154	775.000			10	7.750.000	103	79.825.000
PX33/4	02/12	Xuất vật tư	154	775.000			5	3.875.000	98	75.950.000
									
HD 058654	22/12	Mua xi măng	112	771.428	50	38.571.400			97	73.472.900
PX12/5	22/12	Xuất vật tư	154	774.500			10	7.745.000	87	65.727.900
									
		Cộng phát sinh				228.005.707		243.775.043		
		Số dư cuối kỳ							87	67.227.900

Người lập sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc
(Đã ký)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
 VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

*Tài khoản: 152
 Tháng 12 năm 2009*

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Sắt	104.285.523	550.528.010	505.256.500	362.559.353
2	Xi măng	87.575.000	222.927.902	243.275.002	67.227.900
3	Gạch men		213.002.320	213.002.320	
				
	Cộng	193.860.523	1.284.458.232	1.048.531.502	429.787.253

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

2.2.3 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng

Đề phù hợp với trình độ quản lý, phương pháp tiện xử lý thông tin của doanh nghiệp, trên sử biến động nguyên vật liệu của giá cả, chủng loại quy cách, công ty áp dụng phương pháp hạch toán kế toán tổng hợp là phương pháp kê khai thường xuyên. Sự lựa chọn này là phù hợp với công ty khi đòi hỏi sử phản ánh thường xuyên , liên tục, có hệ thống tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán.

Cùng với hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp phản ánh các nghiệp vụ kinh tế theo chỉ tiêu giá trị trên các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp là không thể thiếu được. Nguyên vật liệu được sử dụng ở công ty toàn bộ đều được mua ngoài và mua ở trong nước không nhập khẩu.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu sử dụng những tài khoản sau:

- Tài khoản 152 “ nguyên liệu, vật liệu”

Đồng thời sử dụng các tài khoản liên quan

- Tài khoản 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

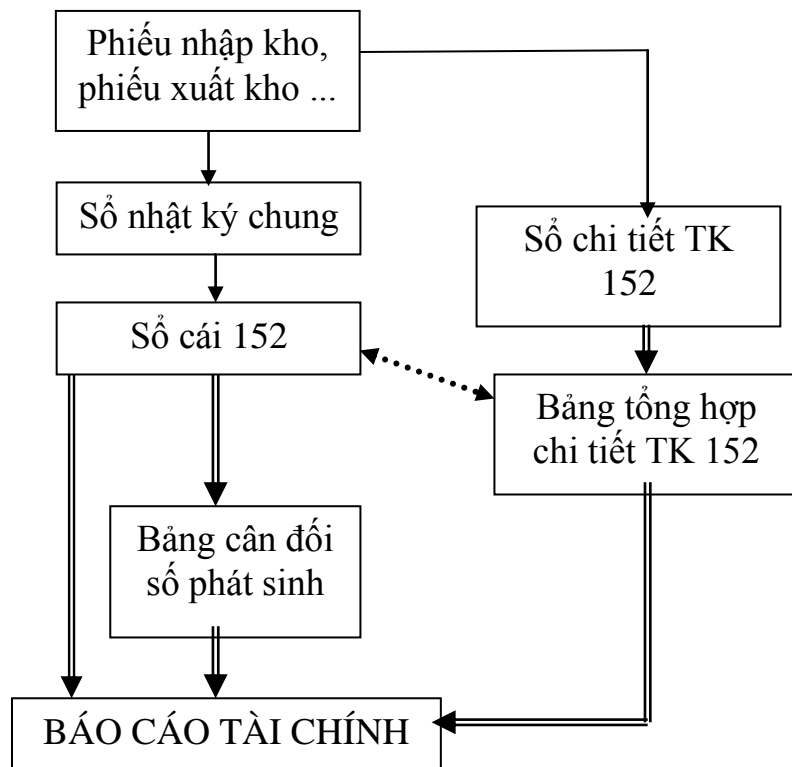
- Tài khoản 111 “tiền mặt”

- Tài khoản 112 “tiền gửi ngân hàng”
- Tài khoản 331 “phải trả người bán”
- Tài khoản 133 “thuế GTGT đầu vào được khấu trừ”
- Tài khoản 141 “ tạm ứng”
- Tài khoản 311 “ vay ngắn hạn”

2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Công ty TNHH Phú Hưng áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” . trình tự ghi sổ của phương pháp này như sau:

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chung.



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: =====>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <.....>

2.2.3.3.1 Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu.

Căn cứ vào nhu cầu thi công các công trình ở gần địa điểm kho công ty công ty tiến hành thu mua một số nguyên vật liệu. Việc thu mua này do cán bộ vật tư đi

mua về nhập kho. Trong quá trình thu mua công ty phải bỏ ra các chi phí như: chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí cho nhân viên thu mua...

Hàng ngày kế toán nguyên vật liệu nhận các chứng từ liên quan đến vật liệu, sau đó kiểm tra đánh giá tính hợp lý của các chứng từ, sau đó ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 152. Tiếp đó kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152. Nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tài khoản thanh toán nào thì được ghi vào sổ chi tiết tài khoản đó như 331, 141 hay tài khoản tiền như 111, 112. Cuối quý hay cuối năm sẽ tổng hợp số liệu trên sổ cái để làm báo cáo tài chính.

a) Nguyên vật liệu tăng do mua trả tiền ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 152:

Nợ TK 133:

Có TK 111, 112:

Ví dụ: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0058654 và phiếu nhập kho số 25/5 của thủ kho chuyên lên phòng kế toán, kế toán tiến hành ghi đơn giá trên phiếu nhập kho và căn cứ vào đó ghi sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 152. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0058654 và giấy báo nợ của ngân hàng gửi đến kế toán tiến hành ghi sổ cái 112.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
01/12	PX30/4	01/12	Xuất VL cho đội 2	154	7.750.000	
				152		7.750.000
02/12	PX33/4	02/12	Xuất vật liệu cho đội 2	154	3.875.000	
				152		3.875.000
					
16/12	PX40/4	16/12	xuất vật liệu cho đội 2	154	21.000.000	
				152		21.000.000
					
22/12	HD 058654	22/12	Mua xi măng	152	38.571.400	
				133	1.928.570	
				112		40.499.970
					
			Cộng phát sinh		54.909.012.716	54.909.012.716

- Sổ này có 5 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 5
- Ngày mở sổ : 01/12/2009

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đồng thời với việc ghi các sổ kế toán nguyên vật liệu kế toán ghi sổ cái tài khoản 112 khi có giấy báo nợ của ngân hàng gửi cho doanh nghiệp.

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HÙNG**
 Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ -Kiến An –HP**

Mẫu số **S03b-DNN**
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Thangas12 năm 2009

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		4.583.562.046	
					
02/12	LC54	02/12	Khách hàng ứng trước tiền	131	500.000.000	
22/12	HD 058654	22/12	Trả tiền mua xi măng	152		38.725.000
				133		3.872.500
...
			Cộng phát sinh		7.598.729.089	9.106.769.614
			Số dư cuối kỳ		3.075.521.521	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(*Đã ký*)

Kế toán trưởng
(*Đã ký*)

Giám đốc
(*Đã ký tên, đóng dấu*)

b) Nguyên vật liệu tăng do mua ngoài theo hình thức trả chậm.

Khi mua nguyên vật liệu doang nghiệp hay mua theo hình thức trả chậm vì hình thức này rất có lợi cho doanh nghiệp trong việc tạo điều kiện cho liệc luân chuyển vốn lưu động. Để theo dõi tình hình thu mua theo hình thức này kế toán phải sử dụng thêm sổ kế toán chi tiết thanh toán với người bán và sổ tổng hợp thanh toán với người bán.

Nợ TK 152:

Nợ TK 133:

Có TK 331:

Ví dụ: Ngày 23/12/2009 mua 5000m² gạch lát nền với đơn giá 53.333,33đ/m² thuế suất thuế GTGT 5% của công ty TNHH TM& VT Khải Nguyên. Chưa thanh toán.

Khi hàng về kho thủ kho cùng các nhân viên khác tiến hành kiểm nhận, làm thủ tục nhập kho và lập phiếu nhập kho. Một liên của phiếu nhập kho được chuyên lên cho kế toán cùng hóa đơn GTGT. Khi kế toán nhận được hóa đơn GTGT số

0058679 và phiếu nhập kho số 26/5 thì tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 152, đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán và sổ cái tài khoản 331.

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**
Địa chỉ: Số 7 khu 6 Quán Trữ Kiến An HP

Mẫu số: **S03a-DNN**
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
01/12	PX30/4	01/12	Xuất VL cho đội 2	154	7.750.000	
				152		7.750.000
02/12	PX33/4	02/12	Xuất vật liệu cho đội 2	154	3.875.000	
				152		3.875.000
					
16/12	PX40/4	16/12	xuất vật liệu cho đội 2	154	21.000.000	
				152		21.000.000
					
22/12	HD 058654	22/12	Mua vật tư	152	38.571.400	
				133	1.928.570	
				112		40.499.970
23/12	HD 058679	23/12	Mua gạch men	152	266.666.600	
				133	13.333.400	
				331		280.000.000
					
			Cộng phát sinh		54.909.012.716	54.909.012.716

- Sổ này có 5 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 5
- Ngày mở sổ : 01/12/2009

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH TM & VT Khải Nguyên

Loại tiền : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					<u>252.500.000</u>
							
10/12	LN32	10/12	Trả nợ tiền hàng	112	150.000.000			
17/12	HD 058325	17/12	Mua vật tư	152		15.560.000		
			Thuế GTGT được khấu trừ	133		1.556.000		
20/12	HD 056452	20/12	Mua vật tư	154		27.556.500		
			Thuế GTGT được khấu trừ	133		2.755.650		
23/12	HD 058679	23/12	Mua vật tư	152		266.666.600		
			Thuế GTGT được khấu trừ	133		13.333.400		
25/12	LN 98	25/12	Trả nợ tiền hàng	112	120.000.000			
							
			Cộng phát sinh		1.015.450.000	1.235.450.000		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					<u>472.500.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		1.485.948.786	8.643.422.246
					
01/12	HD 099008	01/12	Mua xi măng	154		17.750.000
				133		887.500
02/12	HD 068564	02/12	Mua sắt, thép	154		23.875.000
				133		2.387.500
					
05/12	LN 786	05/12	Trả tiền nợ cho khách hàng	112	275.000.000	
23/12	HD 058679	23/12	Mua gạch men	152		266.666.600
				133		13.333.400
...
			Cộng phát sinh		1.540.382.547	2.666.192.890
			Số dư cuối kỳ			8.283.283.803

- Sổ này có 3 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 3
- Ngày mở sổ: 01/12/2009

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

c) Nguyên vật liệu tăng do mua bằng tiền tạm ứng

Tạm ứng cho nhân viên đi mua vật liệu bằng tiền mặt. Nhân viên thu mua viết đơn đề nghị tạm ứng trên đó ghi rõ tên vật liệu, mặt hàng cần mua, chủng loại, số lượng cụ thể. Khi đó phòng vật tư xem xét phê duyệt và kế toán viết phiếu chi tiền. Sau đó kế toán ghi vào sổ chi tiết tài khoản 141 “ tạm ứng”. Khi mua vật liệu về sẽ được thanh toán tạm ứng. Đối với các công trình giao khoán hoàn toàn cho đội thi

công thì định kỳ kế toán đến công trường để nhận hóa đơn GTGT hay biên lai mua hàng để tiến hành hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu. Trường hợp không có hóa đơn hay biên lai mua hàng như xăng, dầu thì kế toán căn cứ vào phiếu chi để hạch toán. Đội trưởng đội thi công sẽ nhận tạm ứng theo khối lượng giao khoán, khi công trình hoàn thành sẽ được hoàn tạm ứng.

Nợ TK 154:

Nợ TK 133:

Có TK 141:

Ví dụ: Ngày 06 tháng 12 năm 2009, ông Phạm Hữu Sinh – Đội thi công số 3 mua vật tư của công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Lộc Xuân, chuyên thẳng đến chân công trình nhà ở học viện – học viện ngân hàng cơ sở Tây Hồ. Tổng tiền thanh toán là 466.573.800đ, thuế suất thuế GTGT 10%. Đã thanh toán hết bằng tạm ứng của công ty.

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

ME/2009B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0098036

Ngày 06 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD & TM LỘC XUÂN Số 20, Cụm 5, Tổ 33, Phường Xuân La- Tây Hồ - Hà Nội MST: 0101878785
Địa chỉ:.....	
Số tài khoản:.....	
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Phú Hưng

Số tài khoản: 2104211000256

Hình thức thanh toán: CK MS: 0200137682

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Bàn cầu xí bệt Inax	sô	21	5.880.000	123.480.000
2,	Vòi xịt rửa	Cái	21	270.000	5.670.000
3,	Chậu âm bán lavaso	Cái	28	1.260.000	35.280.000
4,	Vòi cảm ứng	Cái	28	4.900.000	137.200.000
5,	Ổng thải + dây cáp	Cái	28	1.011.000	28.308.000
6,	Bàn tiểu u41 l v	Cái	14	2.580.000	36.120.000
7,	Van khóa	Cái	28	250.000	7.000.000
8,	Van xả tự động	Cái	14	3.650.000	51.100.000
Cộng tiền hàng:					424.158.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					42.415.800
Tổng cộng thanh toán:					466.573.800
Số tiền viết bằng chữ: <i>bốn trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu) Giám đốc	

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0098036, nhân viên kế toán đội xây dựng số 3 tiến hành ghi sổ tại đội. Định kỳ kế toán xuống đội xây dựng nhận hóa đơn, căn cứ vào hóa đơn kế toán tiến hành lập bảng kê về khối lượng xây lắp hoàn thành, phiếu tính giá công trình nhà ở học viện ngân hàng cơ sở Tây Hồ. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0098036 kế toán ghi sổ nhật ký chung, đồng thời ghi sổ chi tiết tài khoản 141 và sổ cái tài khoản 141, sổ cái tài khoản 154.

Nợ TK 15403 : 424.158.000

Nợ TK 1331 : 42.415.800

Có TK 14103: 466.573.800

Khi khối lượng công việc giao khoán hoàn thành, và được bàn giao, thanh toán tạm ứng, kế toán sẽ căn cứ vào chứng từ liên quan đến tạm ứng để ghi sổ.

Ví dụ: ngày 25/12/2009 công trình nhà ở học viện ngân hàng cơ sở Tây Hồ hoàn thành, công ty tiến hành thanh toán tạm ứng với ông Phạm Hữu Sinh. Ông Phạm Hữu Sinh được nhận thêm tiền tạm ứng là 66.573.800 đ

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
24/12	PX30/3	24/9	Xuất VL cho đội 2	154	9.750.000	
				152		9.750.000
24/12	PX31/3	24/9	Xuất vật liệu cho đội 2	154	21.000.000	
				152		21.000.000
					
25/12	HD 058324	25/09	Mua vật tư	152	45.725.000	
				133	4.572.500	
				112		50.297.500
30/12	HD 098036	06/12	Chi phí vật tư	154	424.158.000	
				133	42.415.800	
				141		466.573.800
30/12	PC25/4	30/12	Thanh toán kl xây lắp	1141	66.573.800	
				111		66.573.800
...
			Cộng phát sinh		54.909.012.716	54.909.012.716

- Sổ này có 5 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 5
- Ngày mở sổ : 01/12/2009

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 141

Ông Phạm Hữu Sinh – Đội thi công số 3

Năm 2009

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				255.500.000	
							
2/10	PC30/3	2/10	Chi tạm ứng	111	300.000.000			
							
06/12	HD 098036	06/12	Chi phí vật tư	154		424.158.000		
				133		42.415.800		
							
30/12	PC25/4	30/12	Thanh toán khối lượng xây lắp	111	66.573.800			
							
			Cộng phát sinh		466.573.800	698.645.500		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				24.428.300	

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Tạm ứng

Số hiệu: 141

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		10.517.313.225	
					
01/12	PC11/4	01/12	Chi tạm ứng	111	15.000.000	
22/12	LN852	22/12	Chi tạm ứng	112	120.000.000	
					
23/12	HĐ 058679	23/12	Chi phí vật tư	154		266.666.600
				133		13.333.400
...
30/12	HĐ 098036	6/12	Chi phí vật tư	154		424.158.000
				133		42.415.800
					
30/12	PC25/4	30/12	Thanh toán kl xây lắp	111	66.573.800	
					
			Cộng phát sinh		1.995.000.000	3.902.834.945
			Số dư cuối kỳ		8.609.478.280	

- Sổ này có 4 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 4
- Ngày mở sổ: 01/12/2009

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Từ hóa đơn GTGT số 0098036 kế toán ghi vào bảng kê chi phí công trình nhà ở học viện cơ sở Tây Hồ, để xác định giá trị vật liệu xuất dùng cho từng công trình.

BẢNG KÊ CHI TIẾT CHI PHÍ

Công trình: nhà ở học viện ngân hàng cơ sở Tây Hồ

Chứng từ		Nội dung	ĐVT	SL	Giá chưa thuế	Thuế GTGT		Giá thanh toán	C
NT	SH					%	Thuế		
		VẬT LIỆU							
								
		Tháng 12							
1/12	HĐ 058245	Nhập xi măng	Tấn	20	15.428.560	5	771.428	16.199.988	
2/12	HĐ 085502	Nhập gạch men	m ²	5000	266.666.600	5	13.333.400	280.000.000	
6/12	HĐ 098036	CP vật tư	Cái	182	424.158.000	10	42.415.800	466.573.800	
								
		Tổng			2.875.655.880		240.564.220	3.116.220.100	
		NHÂN CÔNG							
								
		TỔNG CỘNG							

Người lập sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		27.181.259.247	
					
01/12	HĐ 068564	01/12	Chi phí vật tư	331	45.500.000	
02/12	PC12/5	02/12	Chi phí nhân công	111	120.245.000	
					
23/12	HĐ 058679	23/12	Chi phí vật tư	141	266.666.600	
...
30/12	HĐ 098036	6/12	Chi phí vật tư	141	424.158.000	
					
			Cộng phát sinh		27.692.215.907	25.243.710.189
			Số dư cuối kỳ		29.629.764.965	

- Sổ này có 5 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 5
- Ngày mở sổ: 01/12/2009

Người ghi sổ
(*Đã ký*)

Kế toán trưởng
(*Đã ký*)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Giám đốc
 (*Đã ký tên, đóng dấu*)

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán kiểm tra và tổng hợp số liệu từ sổ cái các tài khoản để lập bảng cân đối số phát sinh, kết hợp số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

2.2.3.3.2 Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu

Tại công ty TNHH Phú Hưng, nguyên vật liệu xuất kho chỉ sử dụng cho quá trình thi công. Các nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu được phản ánh trên phiếu xuất kho. Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào phiếu xuất kho phát sinh trong tháng để tiến hành tập hợp, phân loại nguyên vật liệu theo từng loại phù hợp với từng đối tượng sử dụng. Căn cứ vào phiếu xuất kho nguyên vật liệu kế toán tính ra giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp FIFO và lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu. Sau đó kế toán nguyên vật liệu tổng hợp chi phí nguyên vật liệu theo từng công trình dựa trên nội dung các phiếu xuất kho.

Ví dụ: Căn cứ vào phiếu xuất kho 12/5 của thủ kho gửi lên cho phòng kế toán kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 152, và sổ cái tài khoản 154.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
01/12	PX30/4	01/12	Xuất VL cho đội 2	154	7.750.000	
				152		7.750.000
02/12	PX33/4	02/12	Xuất vật liệu cho đội 2	154	3.875.000	
				152		3.875.000
					
05/12	HĐ 058654	05/12	Mua vật tư	152	38.725.000	
				133	3.872.500	
				112		42.597.500
					
22/12	PX12/5	22/12	xuất vật liệu cho đội 2	154	7.745.000	
				152		7.745.000
...
			Cộng phát sinh		54.909.012.716	54.909.012.716

- Sổ này có 5 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 5
- Ngày mở sổ : 01/12/2009

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tên tài khoản: Nguyên liệu, vật liệu

Số hiệu: 152

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		193.860.523	
					
01/12	PX30/4	01/12	Xuất vật tư	154		7.750.000
02/12	PX33/4	02/12	Xuất vật tư	154		3.875.000
					
22/12	HD 058654	22/12	Mua xi măng	112	38.571.400	
22/12	PX12/5	22/12	xuất vật liệu	154		7.745.000
...
			Cộng phát sinh		1.284.458.232	1.048.531.502
			Số dư cuối kỳ		429.787.253	

- Sổ này có 3 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 3
- Ngày mở sổ: 01/12/2009

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

2.3 Kế toán kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho tại công ty TNHH Phú Hưng

Công ty TNHH Phú Hưng tiến hành kiểm kê, đánh giá lại hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 của mỗi năm. Sau khi thủ kho hoàn tất thẻ kho và phòng kế toán đã khóa các sổ liên quan đến nguyên vật liệu như sổ chi tiết nguyên vật liệu, bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, sổ cái tài khoản 152 thì ban kiểm nghiệm được thành lập gồm 3 người, một người ở phòng kế toán, một người là thủ kho, một người ở phòng vật tư. Ban kiểm kê sẽ tiến hành kiểm kê và ghi lại kết quả kiểm kê vào biên bản kiểm kê sau đó trình lên giám đốc cùng đưa ra những biện pháp phù hợp với những trường hợp vi phạm, sai trái. Kế toán sẽ căn cứ vào kết quả kiểm kê trên biên bản kiểm kê để ghi sổ.

Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 năm 2009 công ty tiến hành kiểm kê kho vật tư, ban kiểm kê gồm ba người, một nhân viên phòng kế toán, một thủ kho và một nhân viên phòng vật tư. Sau khi kiểm kê xong vật tư, kết quả kiểm kê được ghi vào biên bản kiểm kê như sau:

Công ty TNHH Phú Hưng

Số 7 – khu 6 – Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

- Thời điểm kiểm kê: 9 giờ, ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Ban kiểm kê gồm:

Ông Phạm Quang Thọ - Phòng vật tư – Trưởng ban

Bà Nguyễn Thị Hương – Phòng kế toán - Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Thủy – Thủ Kho - Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây.

S T T	Tên vật tư	MS	ĐV tính	Đơn giá (đồng)	Theo số kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng	
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100 %	Kém phân chất
									SL	TT	SL	TT		
1	Xi măng	152XM	Tấn	774.500	37	28.656.500	37	28.656.500	0	0	0	0	36	1
				771.428	50	38.571.400	50	38.571.400	0	0	0	0	50	0
2	Sắt	152S6	Tấn											
		152S10	Tấn											
		152S12	Tấn											

CHƯƠNG III**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG
TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI
CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG****3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.**

Cho đến nay cùng với chính sách mở cửa của nhà nước ta, các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng đã không ngừng đổi mới và phát triển cả về hình thức, quy mô lẫn hoạt động xây lắp. Đây chính là cơ hội phát triển của các doanh nghiệp xây lắp nói chung và công ty TNHH Phú Hưng nói riêng. Nhưng đây cũng đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp phải đương đầu với những thách thức lớn hơn. Bởi vậy một doanh nghiệp ngoài quốc doanh có quy mô vừa và nhỏ như công ty TNHH Phú Hưng tồn tại và phát triển và khẳng định mình trên thị trường là điều không dễ dàng. Để có thành quả như ngày hôm nay đó là kết quả của sự phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn thể công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ của công ty.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã thực hiện xuất sắc các kế hoạch kinh doanh. Phương án đề ra trong từng chu kỳ cụ thể. Công ty rất chú trọng đến công tác quản lý nhân sự, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, có năng lực. Bên cạnh đó công ty còn có các biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo lý cương lao động công ty.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh công ty đã tổ chức quản lý tương đối một cách chặt chẽ chi phí các yếu tố đầu vào đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu. Đây là yếu tố chi phí lớn nhất trong giá thành công trình thi công xong. Vì thế công tác quản lý nguyên vật liệu có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Thông qua công tác quản lý nguyên vật liệu có thể làm tăng hoặc giảm giá thành công trình. Từ đó buộc các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc tiết kiệm triệt để chi phí vật liệu

làm sao cho với một lượng chi phí vật liệu như cũ sẽ làm ra nhiều sản phẩm xây lắp hơn. Tức là giá thành giảm đi mà vẫn đảm bảo chất lượng. Bởi vậy làm tốt công tác kế toán nguyên vật liệu là nhân tố quyết định hạ thấp chi phí, giảm giá thành, tăng thu nhập cho doanh nghiệp, đó là một yêu cầu thiết thực, một vấn đề đang được quan tâm nhiều trong quá trình thi công xây lắp của doanh nghiệp hiện nay.

Công tác hạch toán kế toán trong công ty nói chung và công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu nói riêng có được thực hiện tốt hay không chúng ta phải xem xét một cách tổng thể về cách tổ chức bộ máy kế toán công ty, thái độ và trình độ của cán bộ kế toán, hình thức hạch toán ... có phù hợp với tình hình hoạt động của công ty hay không, đồng thời có đảm bảo được tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời hay không.

Qua thời gian thực hiện tại công ty TNHH Phú Hưng, được tiếp cận, tìm hiểu thực tế về công tác tổ chức hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu nói riêng, em xin đưa ra một số nhận xét cơ bản sau:

3.1.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán công ty

Toàn bộ việc ghi chép kế toán trong doanh nghiệp do bộ máy kế toán đảm nhận. Việc tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán hợp lý, phù hợp với yêu cầu quản lý, trình độ, khả năng của cán bộ phòng kế toán có ý nghĩa hết sức quan trọng. Công ty TNHH Phú Hưng đã thực hiện bộ máy kế toán theo hình thức kế toán tập trung

Thực tế hiện nay các đơn vị sản xuất kinh doanh của công ty là các đội xây dựng hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận như Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa... Với đặc điểm này thì có những đội xây dựng hoạt động ở xa văn phòng công ty sẽ tiến hành hạch toán theo hình thức báo sổ; còn những đội xây dựng ở gần văn phòng công ty sẽ do phòng kế toán công ty thực hiện cùng với việc tổng hợp số liệu chung toàn công ty và lập báo cáo kế toán định kỳ.

Việc thực hiện công tác kế toán tập trung tạo điều kiện để kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của kế toán trưởng, cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo công ty đối với toàn hoạt động sản xuất kinh

doanh, cũng như công tác kế toán của công ty TNHH Phú Hưng. Ngoài ra hình thức này còn thuận tiện phân công và chuyên môn hóa công việc đối với cán bộ kế toán cũng như việc trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin.

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được phân bổ trong phạm vi tương đối rộng và thực hiện công tác kế toán tập trung nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức như vậy là hợp lý. Song phòng kế toán ở cách xa các đội xây dựng nên công tác tổ chức kế toán, việc thu thập xử lý thông tin và xử lý chứng từ kế toán gặp rất nhiều khó khăn. Việc phân công, sắp xếp, bố trí công việc cho cán bộ kế toán cũng rất rắc rối, làm giảm chất lượng công việc.

Mặt khác công ty đang sở hữu một đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, cũng như sự nhạy bén trong xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Các số liệu sau khi được tổng hợp bởi kế toán tổng hợp sẽ được kiểm tra bởi kế toán trưởng. Các cán bộ kế toán đã tiếp cận kịp thời và vận dụng linh hoạt có sáng tạo chế độ kế toán hiện hành. Hơn nữa, các công việc kế toán có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, giảm nhẹ công việc tính toán, ghi chép,... giúp hoạt động của bộ máy kế toán công ty có nề nếp, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, kịp thời, phù hợp với yêu cầu quản lý khác nhau.

Trong thời đại công nghệ thông tin bùng nổ như hiện nay thì hầu hết các doanh nghiệp đã sử dụng phần mềm kế toán nhưng công ty TNHH Phú Hưng mới chỉ sử dụng máy vi tính để hỗ trợ công tác kế toán. Mặc dù công ty đã áp dụng công nghệ thông tin nhưng vẫn mang tính thủ công cao nên vẫn phải sử dụng nhiều nhân viên kế toán làm việc, tức là tốn nhiều nhân lực không mang lại hiệu quả cao, đôi khi còn không đảm bảo tiến độ thời gian yêu cầu.

3.1.2 Hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty TNHH Phú Hưng lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung.

Công ty TNHH Phú Hưng là một đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, có quy mô vừa và nhỏ, mặt khác công ty mới chỉ sử

dụng máy vi tính để hỗ trợ tính toán, chưa tối tân. Mà hình thức kế toán nhật ký chung có ưu điểm là ghi chép dễ dàng, chi tiết, dễ xem, dễ kiểm tra, dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập báo cáo tài chính. Nhờ đó đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và trung thực khách quan về tình hình tài sản, sự biến động của chúng trong hoạt động xây lắp, cũng như toàn bộ tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sau từng thời kỳ hoạt động. Có thể nói hình thức nhật ký chung là hình thức đơn giản, phù hợp với yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm kinh doanh của công ty.

Nhìn chung công ty đã tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán nhật ký chung, bao gồm các loại sổ và kết cấu một sổ sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán. Tuy nhiên trong công tác hạch toán kế toán của công ty nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng các cán bộ kế toán đã bỏ bớt một số cột so với mẫu sổ mà chế độ kế toán quy định. Ví dụ sổ nhật ký chung thiếu cột đã ghi sổ cái và số thứ tự dòng, sổ cái đã bỏ bớt cột nhật ký chung: trang, dòng. Việc lược bớt chỉ tiêu ở sổ sách làm cho sổ sách khi nhìn vào đỡ rối mắt nhưng không thuận lợi cho việc theo dõi ghi chép và kiểm tra, dễ thiết sót và nhầm lẫn.

3.1.3 Công tác đánh giá và phân loại nguyên vật liệu.

Công ty không tiến hành phân loại nguyên vật như đã trình bày ở phần lý luận vì phần lớn nguyên vật liệu của công ty là phục vụ cho việc thi công ở công trình và được xuất thẳng đến chân công trình, còn phục vụ cho hoạt động khác như công tác quản lý diễn ra không thường xuyên, số lượng ít và không được nhập kho. Nguyên vật liệu phục vụ thi công công trình nào thì được ghi rõ ràng trong hợp đồng giao khoán về cả mặt lượng lẫn giá trị từng khoản chi phí của từng thứ, từng loại nguyên vật liệu cụ thể. Đội trưởng đội xây dựng nhận khoán công trình đó có trách nhiệm đi mua nguyên vật liệu theo định mức thiết lập chi tiết cụ thể. Khi quyết toán, bàn giao công trình thì việc xác định chi phí nguyên vật liệu thực tế phát sinh của công trình cũng được trình bày rõ ràng theo từng loại, từng thứ nguyên vật liệu như đã nêu ở hoạt động giao khoán. Dù không công ty không phân loại nguyên vật liệu nhưng vẫn đảm bảo việc theo dõi quản lý không để nhầm lẫn.

3.1.4 Tổ chức kho tàng và thủ tục nhập xuất

Việc sắp xếp, bố trí kho tàng của công ty tương đối hợp lý. Nhưng với một số loại vật liệu công kênh, chiếm nhiều diện tích công ty không đưa vào kho mà để ngoài trời. Điều này đã làm cho vật liệu hư hỏng, mất phẩm chất.

Về việc tổ chức thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu của công ty hầu như đã hoàn chỉnh nhưng thủ tục xuất nguyên vật liệu vẫn chưa đảm bảo chặt chẽ. Các đội trưởng đội sản xuất khi có nhu cầu về nguyên vật liệu vẫn chưa nghiêm túc làm giấy đề nghị xuất vật tư mà chỉ thông báo cho giám đốc và nhận lệnh xuất vật tư. Kho của công ty chỉ lưu giữ một số lượng ít nguyên vật liệu nên nhiều lúc còn lơ lửng trong thủ tục nhập xuất như không cần lệnh xuất kho của chữ ký của giám đốc mà chỉ gọi điện thông báo cho phòng vật tư.

3.1.5 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Công ty áp dụng phương pháp kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song, đây là phương pháp dễ ghi, dễ theo dõi và dễ đối chiếu. Công ty hiện tại chỉ mới có một kho gấn trụ sở công ty nên việc ghi chép, theo dõi là khá dễ dàng, phù hợp với đặc điểm kho bãi của công ty. Tuy công ty tham gia trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và khối lượng nguyên vật liệu nhiều nhưng phần lớn nguyên vật liệu được chuyển thẳng đến chân công trình đang thi công chỉ có một lượng ít nguyên vật liệu được chuyển đến kho của công ty nên việc theo dõi khối lượng nguyên vật liệu nhập xuất là không lớn.

3.1.6 Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, công ty TNHH Phú Hưng cũng không ngừng tận dụng những cơ hội và thế mạnh của công ty trong kinh doanh. Những quyết định quản trị kịp thời và chính xác cũng là một yếu tố cần thiết kinh doanh. Vì vậy công ty TNHH Phú Hưng đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong kế toán tổng hợp toàn công ty cũng như trong kế toán tổng hợp nguyên vật liệu của công ty. Sử dụng phương pháp kế toán này giúp công ty nắm bắt một cách kịp thời các thông tin tài chính quan trọng ảnh hưởng quan trọng đến quyết định quản trị của lãnh đạo công ty. Hơn nữa chi phí nguyên vật liệu rất quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong việc

xác định giá thành của các công trình mà công ty thi công. Thực hiện kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên trong việc kế toán nguyên vật liệu là một khối lượng công việc khá lớn nhưng giúp cho phòng kế toán xử lý các số liệu kế toán và nắm bắt các thông tin tài chính quan trọng, từ đó cung cấp những ý kiến thiết thực cho ban quản trị của công ty.

3.2 Những vấn đề cần hoàn thiện về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.

Qua nghiên cứu thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng, em có thể nhận thấy: nhìn chung công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu tại công ty là rất tốt, tuân thủ quy định của chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn có một số vấn đề còn tồn tại trong kế toán nguyên vật liệu cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Do đó sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH Phú Hưng, tìm hiểu tất cả các phân hành kế toán nói chung và đi sâu tìm hiểu phân hành kế toán nguyên vật liệu nói riêng, em xin được mạnh dạn đưa ra một số ý kiến để việc hạch toán quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn, phù hợp với tình hình thực tế tại công ty nhưng vẫn đảm bảo đúng chế độ kế toán hiện hành.

3.2.1 Hoàn thiện mẫu sổ của công ty áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung. Công ty đã áp dụng đầy đủ các sổ trong việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhưng và mẫu sổ đã được lược một số cột so với mẫu sổ theo chế độ quy định. Lược bớt một số cột là cho các mẫu sổ ấy nhìn vào đỡ rối mắt nhưng lại gây ra sự không thuận tiện trong việc và dễ bỏ sót các nghiệp vụ khi ghi chép.

Vì vậy kế toán công ty nên bổ sung hoàn chỉnh mẫu sổ kế toán như trong sổ nhật ký chung nên cho thêm cột đã ghi sổ cái và số thứ tự dòng, ở sổ cái nên bổ sung cột nhật ký chung trang, dòng như sau.

Mẫu sổ nhật ký chung của công ty:

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG**
 Địa chỉ: Số 7 khu 6 Quán Trữ Kiến An HP

Mẫu số: **S03a-DNN**
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh		
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang		
						
			Cộng phát sinh				

Mẫu sổ nhật ký chung theo quy định:

Đơn vị:
 Địa chỉ:

Mẫu số: **S03a-DNN**
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
							
			Cộng phát sinh					

Mẫu sổ cái của công ty:

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH PHÚ HÙNG**
Địa chỉ: **Số 7 Khu 6 – Quán Trữ -Kiến An –HP****Mẫu số S03b-DNN**
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI***Năm:**Tên tài khoản:**Số hiệu:*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Cộng phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			

Mẫu sổ cái theo quy định:

Đơn vị:
Địa chỉ:**Mẫu số S03b-DNN**
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI***Năm:**Tên tài khoản:**Số hiệu:*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					

Việc thêm cột vào mẫu sổ nhật ký chung và sổ cái như trên sẽ giúp cho kế toán thuận tiện hơn trong việc kiểm tra, theo dõi quá trình ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tránh được việc bỏ sót và nhầm lẫn. Cột đã ghi sổ cái để kế toán đánh dấu các nghiệp vụ đã được ghi vào sổ cái và được đối chiếu giữa thứ tự dòng của

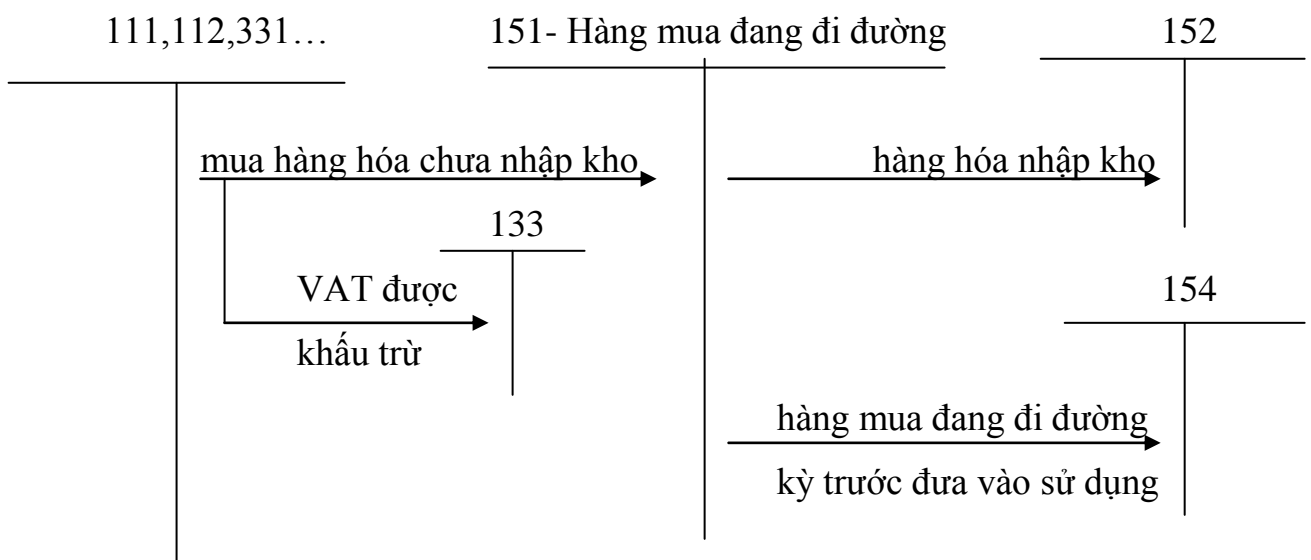
sổ nhật ký chung và cột nhật ký chung trang, dòng của sổ cái. Vì vậy khi có nhầm lẫn hay sai sót thì kế toán dễ dàng kiểm tra.

3.2.2 Hoàn thiện hệ thống tài khoản của công ty

- Công ty tiến hành thu mua nguyên vật liệu của nhiều nhà cung cấp khác nhau, ở nhiều nơi khác nhau. Vì vậy việc nguyên vật liệu hay hàng hóa đã mua không về kịp để kiểm nhận nhập kho đúng kỳ khóa sổ của công ty là không thể tránh khỏi, sẽ làm ảnh hưởng đến độ chính xác của chỉ tiêu trong báo cáo kế toán. Do vậy kế toán nên áp dụng tài khoản 151 để phản ánh hàng tồn kho đang đi đường chưa kịp nhập kho.

- Tài khoản 151 “ hàng mú đang đi đường” – dùng để phản ánh giá trị hàng hóa mà công ty đã mua, hóa đơn đã về công ty nhưng hàng hóa vẫn đang trên đường vận chuyển hay chưa hoàn tất thủ tục nhập kho.

- Cách hạch toán tài khoản 151 như sau:



- Đồng thời kế toán cũng nên mở sổ chi tiết tài khoản 151 cho từng hàng hóa được mua đang đi đường để dễ dàng cho việc theo dõi.

3.2.3 Hoàn thiện việc mở sổ chi tiết tài khoản 154

- Công ty tiến hành hạch toán chi phí giá thành trên tài khoản tổng hợp là 154 và theo dõi chi phí của từng công trình trên bảng kê chi phí mà không tiến hành theo dõi tổng hợp từng khoản mục chi phí toàn công ty vì vậy sẽ không nắm bắt được giá trị của từng chi phí trong tổng giá thành của công ty. Để thuận tiện cho việc theo dõi kế toán nên mở sổ chi tiết tài khoản 154 cho từng khoản mục chi phí như

chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Mẫu sổ chi tiết như sau:

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Chi phí:

Năm:

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Cộng phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			

3.2.4 Hoàn thiện thủ tục xuất nguyên vật liệu

- Công ty chỉ có một kho và phần lớn nguyên vật liệu được mua thẳng xuất thẳng đến chân công trình đang thi công còn khối lượng nguyên vật liệu nhập xuất qua kho ít, vì vậy thủ tục xuất nguyên vật liệu tại kho công ty thường được làm qua loa. Các đội trưởng đội xây dựng khi muốn xuất vật tư thường chỉ thông báo cho phòng vật tư và đến kho nhận vật tư mà không cần nhận lệnh xuất vật tư của giám đốc. Như vậy việc quản lý sẽ khó khăn, không đủ chứng từ chặt chẽ, có thể gây lãng phí nguyên vật liệu của công ty. Cho nên công ty nên thực hiện nghiêm túc thủ tục xuất kho, khi muốn xuất kho vật liệu phải có chứng từ căn cứ đầy đủ, giám đốc nên căn cứ vào định mức nguyên vật liệu cho công trình mà phòng kế hoạch đã lập đề ra lệnh xuất vật tư.

3.2.5 Tổ chức kho bảo quản nguyên vật liệu.

- Công ty có một số loại nguyên vật liệu cồng kềnh như sắt, thép chiếm nhiều diện tích nên việc bảo quản trong kho là khó khăn và diện tích kho của công ty không được lớn nên thường xuyên được để ngoài trời công ty nên sắp xếp lại kho và đưa vật tư vào kho để bảo quản để tránh hư hỏng, mất phẩm chất vật tư. Vì vậy trong thời gian tới công ty nên sớm nâng cấp kho của công ty, đồng thời khi có điều kiện

công ty nên mở rộng kho để tạo điều kiện cho việc bảo quản, lưu trữ đạt hiệu quả cao hơn. Có một kho tàng rộng rãi sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu thuận lợi hơn.

3.2.6 Hoàn thiện việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán.

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của công nghệ khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Công ty TNHH Phú Hưng cũng đã trang bị máy vi tính phục vụ công việc của kế toán viên. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán. Tuy vậy công ty nên áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hiện hành (như nhật ký chung, nhật ký số cái, nhật ký chứng từ và chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quá trình ghi sổ kế toán nhưng khi in thì được đầy đủ các sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống như mẫu sổ ghi tay.

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ, kế toán xác định tài khoản ghi nợ và tài khoản ghi có để nhập vào phần mềm. Cuối quý, năm thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Công việc này được thực hiện tự động trên máy vi tính. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và báo cáo tài chính rồi in ra giấy.

Vì vậy sử dụng phần mềm có thể giảm bớt nhân lực so với hạch toán kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc. Hiện nay có rất nhiều các doanh nghiệp các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang sử dụng hình thức kế toán máy, vì vậy công ty nên đặt mua một phần mềm kế toán. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán sử dụng tiện lợi, giao diện đẹp mắt rất phù hợp với hình thức hoạt động kinh doanh của công ty.

KẾT LUẬN

Từ những tìm hiểu và nghiên cứu về lý luận chung cũng như thực tế của công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng ở trên ta có thể khẳng định kế toán nguyên vật liệu là một phần rất quan trọng, một phần không thể thiếu được trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Để đứng vững và phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với doanh nghiệp. Vì vậy các doanh nghiệp cần phải chú trọng đến công tác hạch toán nguyên vật liệu, công tác hạch toán nguyên vật liệu có được đầy đủ, chính xác, kịp thời và khoa học sẽ là một biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất trong việc tính giá thành sản phẩm, tạo điều kiện cho các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác về giá bán nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Phú Hưng đã giúp em nắm bắt được thực tế tổ chức công tác kế toán tại công ty từ khâu lập chứng từ kế toán, kiểm soát đến luân chuyển chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ sách kế toán, quy trình thanh toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh... và đặc biệt đi sâu vào công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty. Từ đó giúp em có cơ sở để đối chiếu giữa lý luận với thực tế để củng cố, bổ sung cho kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng, phương pháp của người cán bộ tài chính kế toán và đặc biệt là cách thức tổ chức thực hiện công tác kế toán.

Em xin chân thành cảm ơn và mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo cùng các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2010

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Bích

MỤC LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp.....	2
1.1.1 Khái niệm, vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp.....	2
1.1.2 Đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	4
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	4
1.1.4 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	5
1.2 Nội dung công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	12
1.2.1 Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	13
1.2.3 Tổ chức công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	20
1.2.4 Kế toán kiểm kê, đánh giá lại hàng tồn kho.....	23
1.2.5 Sổ sách sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu.....	23
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG.....	25
2.1 Đặc điểm, tình hình chung của công ty TNHH Phú Hưng.....	25
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Phú Hưng.....	25
2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty TNHH Phú Hưng.....	26
2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn mà công ty gặp phải trong quá trình hoạt động.....	27
2.1.4 Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây..	29
2.1.5 Đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ.....	31
2.1.6 Đặc điểm bộ máy quản lý công ty.....	34
2.1.7 Tổ chức công tác kế toán của công ty.....	37
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng....	41
2.2.1 Tổ chức công tác quản lý chung về nguyên vật liệu trong công ty.....	41

2.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.....	43
2.2.3 Tổ chức công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.....	53
2.3 Kế toán kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho tại công ty TNHH Phú Hưng...	72
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH PHÚ HƯNG.....	74
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.....	74
3.1.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán công ty.....	75
3.1.2 Hình thức kế toán công ty áp dụng.....	76
3.1.3 Công tác đánh giá và phân loại nguyên vật liệu.....	77
3.1.4 Tổ chức kho tàng và thủ tục nhập, xuất nguyên vật liệu.....	78
3.1.5 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	78
3.1.6 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	78
3.2 Những vấn đề cần hoàn thiện về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Phú Hưng.....	79
3.2.1 Hoàn thiện mẫu sổ công ty áp dụng.....	79
3.2.2 Hoàn thiện hệ thống tài khoản của công ty.....	81
3.2.3 Hoàn thiện việc mở sổ chi tiết tài khoản 154.....	82
3.2.4 Hoàn thiện thủ tục xuất nguyên vật liệu.....	82
3.2.5 Tổ chức kho bảo quản nguyên vật liệu.....	83
3.2.6 Hoàn thiện việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán.....	84
KẾT LUẬN.....	85